CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2021/GM - HĐQT	-----ꕥ✧ꕥ-----
	Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021.

GIẤY MỜI HỌP

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Kính gửi: **Quý cổ đông Công ty Cổ phần VCP P&C**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP trân trọng kính mời Quý vị cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty như sau:

- **Thời gian: Từ 09 giờ 30 phút ngày 22 tháng 04 năm 2021.**
- **Địa điểm:** Hội trường Tầng 3, Khu nhà điều hành các công trình thủy điện. Địa chỉ: Thôn Trung Chính, Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa
- **Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông có tên trong Sổ cổ đông của Công ty chốt danh sách đến ngày 26/3/2021. Quý vị cổ đông nào không thể đến tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản *(theo mẫu của Công ty gửi kèm theo Giấy mời)*. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền cho người thứ ba;
- **Chương trình và các tài liệu họp Đại hội**: Đề nghị Quý vị cổ đông xem và tham khảo tại địa chỉ website Công ty: http://www.vcpholdings.com.vn *(Mục Quan hệ cổ đông)*.
- **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:**

  Đáp ứng nhu cầu kiểm soát dịch bệnh, Ban Tổ chức Đại hội đề nghị Quý Cổ đông đăng ký trước việc tham dự của mình trong trường hợp Quý Cổ đông có nguyện vọng trực tiếp tham dự tại địa điểm tổ chức Đại hội. Đề nghị Quý vị cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty chậm nhất là trước **17h00 ngày 21/4/2021**. Ban Tổ chức sẽ căn cứ vào danh sách đăng ký tham dự tại **thời điểm 17h00 ngày 21/4/2021** để chuẩn bị chỗ ngồi, phòng họp đảm bảo khoảng cách, mật độ tối thiểu và các công tác hậu cần cần thiết. Việc đăng ký tham dự và/hoặc ủy quyền dự họp cần được thông báo trước về Công ty qua điện thoại và/hoặc E-mail của người phụ trách của Bộ phận quan hệ cổ đông dưới đây:

  Bộ phận Quan hệ cổ đông - Ban Tài chính Kế hoạch, Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP, địa chỉ: Tầng 19 - Tòa nhà VINACONEX, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

  Số fax: 0246.2699977 **Email: binhnguyen.vcp@gmail.com**

  Trong trường hợp, Quý Cổ đông không thể tham dự Đại hội và không lựa chọn được người đại diện phù hợp để ủy quyền, Ban Tổ chức gợi ý Quý Cổ đông có thể ủy quyền cho các cá nhân sau:

  (1) Ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch HĐQT Công ty

  (2) Ông Phạm Văn Minh – Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty

(3) Ông Trịnh Nguyên Khánh – Thành viên HĐQT Công ty

- Khi đến tham dự Đại hội, Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền vui lòng mang theo những giấy tờ sau để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội:

  (1) Thông báo mời họp này;

  (2) Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của cá nhân của người tham dự;

  (3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập của tổ chức (nếu là tổ chức)

  (4) Giấy ủy quyền nếu Người dự họp là Người được cổ đông ủy quyền (đối với tổ chức nếu không phải là Đại điện theo pháp luật/ Người đại diện quản lý vốn góp của cổ đông tổ chức tham dự trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền).

* **Lưu ý khác:**

- Trong suốt quá trình tham dự Đại hội, Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền phải tuân thủ các quy định về an toàn, trật tự tại nơi dự họp theo yêu cầu của Ban Tổ chức Đại hội.
- Công ty sẽ bố trí xe ô tô để đưa đón Cổ đông đi dự Đại hội vào lúc 05h00 ngày 22/4/2021 tại 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Để công tác chuẩn bị được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông có nhu cầu đưa đón đăng ký với Ban Tổ chức trước 16h00 ngày 19/4/2021 (*theo số điện thoại: Mrs Linh 0904.277080*) và có mặt đúng giờ.
- Quý vị cổ đông cần thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ: Bộ phận Quan hệ cổ đông Công ty theo số điện thoại sau: 0246.2699988 *(Máy lẻ:122)*, *gặp Ông Nguyễn Văn Bình.*

Rất mong Quý vị cổ đông đăng ký dự họp đầy đủ và đến đúng thời gian quy định để Đại hội đạt được kết quả tốt đẹp.

Trân trọng!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
M.S.D.N: 2800799... C.T.C.P
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

VŨ NGỌC TÚ

Nơi nhận:

- *Như kính gửi.*
- *Lưu HĐQT.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: **Ban Tổ chức Đại hội - Công ty cổ phần VCP P&C**

- Tên cổ đông.....
- Địa chỉ:.....
- CMND/Giấy CNĐKKD số:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....
- Số cổ phần sở hữu tại ngày ..... là:.....cổ phần.

Tôi xác nhận rằng:

1. ☐ **Đồng ý tham dự Đại hội**
2. ☐ **Đồng ý ủy quyền cho Ông/Bà dưới đây:**

- Họ và tên người được ủy quyền:.....
- Địa chỉ:.....
- Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Hoặc ủy quyền cho một trong các ông có tên sau:

☐ Ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch HĐQT Công ty
☐ Ông Phạm Văn Minh - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty
☐ Trịnh Nguyên Khánh - Thành viên HĐQT Công ty

3. **Nội dung ủy quyền:**

- Được thay mặt Người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (VCP P&C), tổ chức vào ngày 22/4/2021 và có toàn bộ quyền hạn đại diện cho số cổ phần Người ủy quyền sở hữu để quyết định các vấn đề thuộc nội dung Đại hội.
- Người được uỷ quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Ban tổ chức Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại các nội dung của Đại hội cho Người ủy quyền biết.

4. **Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:**

- Việc uỷ quyền trên đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Công ty và của pháp luật;
- Giấy uỷ quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần VCP P&C.

....., ngày.....tháng..... năm 2021.

NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN	CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu nếu là tổ chức)*

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C

CHƯƠNG TRÌNH HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- **Thời gian: 09h00 sáng, Thứ năm, ngày 22 tháng 04 năm 2021**
- **Địa điểm: Tầng 3, Khu nhà điều hành các công trình thủy điện, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.**

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
09h00-09h30	Đón tiếp, đăng ký cổ đông dự họp và phát tài liệu họp	
09h30-09h45	- Chào cờ, tuyên bố lý do. - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. - Giới thiệu, thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu biểu quyết.	
09h45-09h55	Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội.	
09h55-10h05	Báo cáo của Ban điều hành kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021	
10h05-10h15	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2021	
10h15-10h25	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021	
10h25-10h35	Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi điều lệ Công ty	
10h35-10h45	Tờ trình của HĐQT thông qua Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT	
10h45-10h50	Tờ trình của Ban kiểm soát thông qua Quy chế hoạt động của BKS	
10h50-10h55	Tờ trình của HĐQT về kế hoạch chuyển sàn giao dịch	
10h55-11h00	Tờ trình của HĐQT về việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021	
11h00-11h05	Tờ trình của HĐQT về phân phối lợi nhuận năm 2020	
11h05-11h10	Tờ trình của HĐQT về phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu	
11h10-11h15	Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán	
11h15-11h20	Tờ trình của HĐQT về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024	
11h20-11h30	Đại hội thảo luận hoặc nghỉ giải lao	

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
11h30-11h40	Công bố kết quả về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần VCP P&C cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2019-2024	
11h40-11h50	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung đã trình bày tại Đại hội: + Báo cáo của Ban điều hành về kết quả SXKD năm 2020 vè kế hoạch năm 2021 + Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, kế hoạch và nhiệm vụ năm 2021 + Báo cáo của Ban kiểm soát + Tờ trình của HĐQT Công ty về việc sửa đổi điều lệ Công ty + Tờ trình của HĐQT về Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT + Tờ trình của Ban kiểm soát về Quy chế hoạt động của BKS + Tờ trình của HĐQT về kế hoạch chuyển sàn giao dịch + Tờ trình của HĐQT về thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 + Tờ trình của HĐQT về phân phối lợi nhuận năm 2020 + Tờ trình của HĐQT về phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu + Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán	
11h50-12h00	Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.	
12h00-12h05	- Biểu quyết thông qua dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết của Đại hội. - Bế mạc Đại hội.	

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	-----ꕥ✧ꕥ-----
	Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021.

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mục tiêu của Quy chế:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần VCP P&C.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần VCP P&C xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban tổ chức.
2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không để chuông.
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện trên [50%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. **Nguyên tắc**:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi Mã số tham dự, số cổ phần được quyền biểu quyết *(sở hữu và/hoặc ủy quyền)* của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần VCP P&C

2. **Cách biểu quyết**:

2.1. Cách thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Khi biểu quyết "Tán thành" một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ đông "Tán thành" thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Tổ kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu Mã số tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông "Tán thành" trên Thẻ biểu quyết.
- Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông "Không tán thành", "Không có ý kiến" sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

2.2. Cách thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách chỉ đánh dấu "x" hoặc "√" các ô "Tán thành" hoặc "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến".
- Cổ đông đánh dấu "x" hoặc "√" đồng thời cả 2 hoặc 3 ô "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" cùng một nội dung thì nội dung biểu quyết đó là không hợp lệ.
- Cổ đông để trống không đánh dấu "x" hoặc "√" vào ô "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" thì được coi không có ý kiến về nội dung đó.
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:

+ Phiếu không do Công ty phát hành (không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
+ Phiếu tẩy xóa và ghi thêm nội dung biểu quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
+ Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

3. **Thể lệ biểu quyết:**

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Đối với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ

chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. **Nguyên tắc**:

- Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc giơ cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các cổ đông giơ Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

2. **Cách thức phát biểu:**

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ tọa có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

- Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

6. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Tham gia đón tiếp và hướng dẫn bố trí chỗ ngồi cho cổ đông.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.
5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

VIII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần VCP P&C.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

M.S.D.N: 2800799... CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47 /2020/BC-TGĐ	----------
	Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện Nghị quyết số 02A/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và năng lượng VCP phê duyệt và giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, Tổng Giám đốc Công ty xin báo cáo về kết quả thực hiện năm 2020, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Lưu lượng nước về hồ Cửa Đạt để phục vụ cho phát điện của các nhà máy Cửa Đạt, Xuân Minh và Bái Thượng trong năm đạt thấp (thấp nhất kể từ năm 2010 đến nay); Mực nước hồ ở mức thấp so với quy trình vận hành liên hồ từ 10m đến 15m tùy từng thời điểm nên công tác vận hành máy chỉ được phép ở mức 45m3/s. Công tác vận hành các nhà máy vì vậy chỉ chạy được với công suất tối thiểu trong thời gian dài. Do hiện tượng bất thường của thời tiết nên công tác phát điện gặp rất nhiều khó khăn, lưu lượng nước về hồ thấp kỷ lục nên sản lượng cả năm 2020 chỉ đạt 311,609 triệu Kwh đạt 74,62% so với kế hoạch ban đầu của năm 2020, doanh thu từ bán điện (Nguồn thu chính của Công ty) đạt 218,746 tỷ đồng bằng 62,01% so với kế hoạch đầu năm 2020.

1. Tình hình thủy văn năm 2020

Tình hình thủy văn năm 2020 gặp nhiều bất lợi. Trong Quý I/2020 lưu lượng nước bình quân về 02 hồ Hủa Na, Cửa Đạt chỉ đạt 29,4 m^3/s (Đạt 70% trung bình chung nhiều năm 41,5m^3/s). Lưu lượng nước bình quân về 2 hồ trong Quý II/2020 đạt 38,6 m^3/s (Chỉ đạt 55% so với trung bình chung nhiều năm 70 m^3/s). Lưu lượng nước bình quân về 2 hồ trong tháng 7 chỉ đạt 45,82 m^3/s (Đạt 32% so với trung bình chung nhiều năm). Đến tháng 8 lưu lượng về 2 hồ mới được cải thiện rõ rệt và đạt 225,91 m^3/s (Đạt 103% so với trung bình chung nhiều năm). Lưu lượng bình quân về 2 hồ trong 4 tháng cuối năm (9, 10, 11, 12) đạt 258,78 m^3/s (Đạt 115% so với trung bình chung nhiều năm 223,15 m^3/s).

Tình hình thủy văn và phát điện cụ thể trong năm 2020 như sau:

TT	Tháng	Mực nước hồ ngày đầu tháng (mét)	Mực nước hồ ngày cuối tháng (mét)	Lưu lượng nước bình quân về hồ trong tháng (m3/s)	Lưu lượng nước phát điện bình quân tháng (m3/s)	Lượng nước về hồ (triệu m3)	Lượng nước qua Dốc Cáy và xả qua đập tràn (triệu m3)
1	1/2020	90,7	86,84	21,61	46,08	57,88	29,46
2	2/2020	86,84	81,4	21,61	56,45	58,14	50,11
3	3/2020	81,4	77,95	21,51	39,83	57,62	29,46
4	4/2020	77,95	78,1	44,86	33,07	116,28	28,51
5	5/2020	78,1	80,3	76,25	49,93	204,23	29,462
6	6/2020	80,3	74,46	36,96	58,65	95,8	28,51
7	7/20120	74,46	73,58	46,23	40,09	123,82	29,462
8	8/2020	73,58	86,25	187,11	97,01	501,15	40,176
9	9/2020	86,25	92,19	146,94	86,48	380,87	38,88
10	10/2020	92,19	106,78	222,04	60,34	594,71	40,176
11	11/2020	106,78	109,19	166,14	124,48	430,63	46,65
12	12/2020	109,19	107,23	99,74	104,18	267,14	42

Thủy văn 2 tháng cuối năm duy trì ở mức tốt phục vụ vận hành phát điện nhà máy thủy điện Cửa Đạt, lưu lượng nước về bình quân 2 tháng đạt trên 132m3/s. Mực nước hồ Cửa Đạt tại ngày ngày 31/12/2020 đạt cao trình 107,23m, cao hơn rất nhiều so với mức nước tại ngày 31/12/2019 là 90,7m tạo thuận lợi cho công tác phát điện trong năm sau.

Khu vực thượng lưu nhà máy thủy điện Nậm La lưu lượng nước sang năm 2020 vẫn chưa được cải thiện nhiều, Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước, hạn chế thất thoát do yếu tố chủ quan, tích cực nạo vét bùn tăng dung tích hồ chứa… Tuy nhiên do những diễn biến không mấy thuận lợi những tháng đầu năm đã ảnh hưởng đến kết quả SXKD trong năm.

2. Công tác nhân sự:

- Tiếp tục kiện toàn công tác cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của đơn vị, nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ công việc trong giai đoạn hiện nay. Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 7/2020 thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS Công ty. HĐQT đã giao nhiệm vụ cho Ban điều hành thực hiện các công tác điều hành đạt hiệu quả trong năm 2020.

- Trong năm 2020 Ban điều hành đã trình HĐQT, đề xuất thành lập Công ty CP cơ điện VCP mục đích thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện thuộc hệ thống VCP và tìm kiếm công việc sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện bên ngoài khác. Thực hiện chủ trương này, Ban điều hành đã triển khai thành lập Công ty Cổ phần Cơ điện VCP vào ngày 07/08/2020 với vốn điều lệ 50 tỷ đồng.

- Ban Tổng giám đốc của Công ty bao gồm 2 thành viên là Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc, đến ngày 31/12/2020 Ban Tổng giám đốc chỉ còn 1 thành viên do Phó Tổng giám đốc Đỗ Vương Cường chuyển công tác.

3. Công tác tài chính:

Đầu năm 2020, Công ty VCP P&C thực hiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp mục đích đầu tư, M&A một số dự án. Tổng số phát hành thành công đạt 900 tỷ đồng và đã triển khai thực hiện M&A các dự án cụ thể như sau:

Số tt	Tên Công ty/dự án	Số tiền (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP thủy điện Nậm La	500.000.011.080	82,71
2	CT TNHH thủy điện Đakro Baye	178.000.000.000	100
3	CT TNHH thủy điện Đaklo 4	181.000.000.000	100
4	CT TNHH MTV NM thủy điện Thác Ba	266.000.000.000	100
	Cộng	**1.125.000.011.080**	

Trong năm Công ty đã thực hiện trả lãi trái phiếu 02 kỳ đầu tiên ngày 24/8/2020 và kỳ ngày 23/11/2020, số tiền: 47.890.410.956 đồng.

Nguồn thu từ phát điện 10 tháng đầu năm rất thấp khiến việc điều hành dòng tiền gặp nhiều khó khăn. Ban điều hành đã vận dụng linh hoạt các nguồn thu vừa đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động Tổng thầu xây lắp vừa phải đảm bảo đủ nguồn tiền trả nợ gốc, lãi vay trong kỳ. Công ty đã điều hành dòng tiền hợp lý không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn. Trong thời gian này Công ty cũng đã tích cực huy động từ nguồn vay cá nhân giảm áp lực thiếu hụt dòng tiền. Tuy nhiên việc huy động lượng vốn ngắn hạn lớn khiến chi phí tài chính năm 2020 tăng cao so với kế hoạch đề ra.

Bảng vay và trả nợ vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2020

STT	Nguồn vốn vay	Số dư đầu năm	Tổng số huy động trong năm	Tổng số đã trả trong năm	Số dư còn lại 31/12/2020
1	Vietinbank - CDuong	71,697,763,899	13,585,817,988	85,283,581,887	-

2	Vietinbank - Ba Đình	-	2,035,880,414	2,035,880,414	-
3	SHB - CN Thăng Long	4,925,210,200	25,576,325,671	22,886,572,605	7,614,963,266
4	Vietcombank - Hà Nam	47,670,602,416	56,665,463,067	94,199,566,981	10,136,498,502
5	Vay cá nhân	19,555,000,000	443,696,818,376	303,355,879,100	159,895,939,276
	Cộng	**143,848,576,515**	**541,560,305,516**	**507,761,480,987**	**177,647,401,044**

4. Công tác quản lý cổ đông, triển khai nghị quyết ĐHCĐ

Thực hiện Nghị quyết số 02A/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, Hội đồng quản trị đã có chủ trương, chỉ đạo việc thực hiện công tác chuyển sàn niêm yết (Từ sàn UPCOM sang sàn HOSE) và trả cổ tức năm 2019 (32%) bằng cổ phiếu. Ban điều hành đã phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty Chứng khoán Vietinbank triển khai, dự kiến sẽ thực hiện chuyển sàn niêm yết và trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu trong quý 3 và quý 4 năm 2021.

Thực hiện chủ trương của HĐQT về việc điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020 tại phiên họp HĐQT tháng 11 ngày 11/11/2020. Ban điều hành đã triển khai việc chốt danh sách cổ đông và thực hiện việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, kết quả có 84,42% cổ đông biểu quyết tán thành chủ trương điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020.

Ngoài ra Ban điều hành cũng thực hiện tốt, đầy đủ, chức năng công bố thông tin để việc công bố thông tin của doanh nghiệp với tư cách là công ty đại chúng lớn, doanh nghiệp niêm yết kịp thời đến cổ đông và các nhà đầu tư. Theo dõi và hoàn thiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đối với công tác quản lý cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Trung tâm Lưu ký chứng khoán VN.

5. Công tác đào tạo, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, phát triển nguồn nhân lực

Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục có nhiều chính sách khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ cho mọi CBCNV có nhu cầu, có năng lực tham gia các Khóa đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty, cụ thể: Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nâng bậc và chuyển ngạch đối với công nhân và kỹ sư; Lớp tư vấn quản lý dự án; Khóa đào tạo về Luật đấu thầu; Các khóa đào tạo về an toàn lao động; Công nhân vận hành Nhà máy đi học lớp kỹ sư điện để nâng cao chuyên môn...tổ chức thi sát hạch nâng bậc lương cơ bản. Kết quả đào tạo thực tế trên đã giúp Công ty có nguồn nhân lực chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm, thích ứng kịp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty và các dự án sắp tới.

6. Công tác chăm lo đời sống người lao động; Công tác xã hội

Tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc cho CBCNV, đặc biệt là CBCNV làm việc tại nhà máy. Khu quản lý điều hành đầy đủ tiện nghi sinh hoạt, hoạt động thể thao phục vụ đời sống của CBCNV ở mức chất lượng cao. Công ty duy trì chế độ trả lương cho

CBCNV đảm bảo đúng hạn, 100% CBCNV được tham gia BHXH, BHYT, BHTN và đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động như: Tặng quà cho CBCNV vào các ngày lễ lớn, thành lập Công ty, sinh nhật CBCNV...

Thăm hỏi và tặng quà các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, cựu quân nhân... tiếp tục thực hiện cấp dưỡng cho 05 bà mẹ Việt Nam anh hùng + 01 anh hùng lực lượng vũ trang tại địa bàn Thường Xuân, Thanh Hóa. Thực hiện các chương trình ủng hộ người nghèo, các gia đình khó khăn theo các chương trình kêu gọi của các tổ chức; Trực tiếp trao quà cho người nghèo, các gia đình khó khăn tại các vùng sâu vùng xa tại Thường Xuân, Thanh Hóa vào các dịp Lễ tết, Trung thu...

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Với điều kiện thủy văn không thuận lợi tuy nhiên được sự quan tâm chỉ đạo của Hội đồng quản trị cùng với sự đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân viên toàn hệ thống, trong năm 2020 toàn bộ các công ty trong hệ thống đã đạt được kết quả cụ thể:

Stt	Tên nhà máy thủy điện	Công suất phát điện (MW)	Sản lượng điện (Kwh)	Doanh thu bán điện (đồng)
1	Cửa Đạt	97	311.609.564	218.746.453.849
2	Xuân Minh	15	49.394.974	63.227.397.105
3	Bái Thượng	6	18.431.645	21.919.636.452
4	Nậm La	27	79.288.670	102.126.906.786
5	Tắt ngoẵng	7	18.096.048	21.742.154.601
	Cộng	**152**	**476.820.901**	**427.762.548.793**

Bảng kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty VCP P&C

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch năm 2020 (điều chỉnh)	Thực hiện năm 2020	Tỉ lệ TH/KH điều chỉnh (%)
1	Sản lượng điện (KWH)	417.589.022	306.940.000	311.609.564	101,52
2	Doanh thu và thu nhập	493.303.556.449	319.561.000.000	358.855.987.627	112,30
	Doanh thu bán điện	*352.751.156.449*	*214.973.000.000*	*218.746.453.849*	*101,76*

	Doanh thu hoạt động và TN khác	*140.552.400.000*	*104.587.342.934*	*140.109.533.778*	*133,96*
3	Tổng chi phí	296.277.619.446	211.211.000.000	248.174.027.931	117,50
4	LN trước thuế	197.025.937.003	108.350.000.000	110.681.959.696	102,15
5	Thuế TNDN	10.690.114.850	5.586.000.000	5.407.385.954	96,80
6	Lợi nhuận sau thuế	186.335.822.153	102.764.000.000	105.274.573.742	102,44

B. ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Trong năm vừa qua được sự quan tâm chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Xây dựng và năng lượng VCP đã phấn đấu giảm thiểu khó khăn và hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch SXKD. Qua rà soát, tính toán các điều kiện thực tế trong năm 2020, mực nước hồ Cửa Đạt tại ngày ngày 31/12/2020 đạt cao trình 107,23m, cao hơn rất nhiều so với mức nước tại ngày 31/12/2019 là 90,7m tạo thuận lợi cho công tác phát điện trong năm 2021, Công ty đề xuất Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt và trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ:

1. Đối với công tác đào tạo, kiện toàn nhân sự

- Tiếp tục thực hiện việc luân chuyển, bố trí nhân sự vào các vị trí phù hợp với năng lực chuyên môn, đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thực hiện đào tạo toàn diện các nhân sự cấp cao về kỹ năng quản lý và nâng cao chuyên môn; Tổ chức các khóa đào tạo vận hành đối với công nhân vận hành Nhà máy; Đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho việc quản lý và vận hành các dự án của Công ty trong thời gian tới.

2. Đối với công tác sản xuất điện

- Quản lý, vận hành tốt Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt; Hệ thống Cửa nhận nước; Trạm phân phối và Đường dây 110KV Cửa Đạt - Thọ Xuân - Ba Chè đảm bảo điều kiện chạy máy và bán điện được thông suốt với mục đích chính giảm số giờ chạy/tổ máy nhưng tăng công suất chạy của tổ máy để giữ tuổi thọ máy được bền hơn và giảm hao tổn nước khi sản xuất điện.

- Căn cứ dự báo về tình hình thủy văn và yêu cầu của Bộ NN&PTNT, UBND Tỉnh Thanh Hóa về các giải pháp điều tiết nước phục vụ tưới tiêu, đẩy mặn và phục vụ nước sinh hoạt, công nghiệp cho hạ du mùa khô và khả năng được sử dụng nguồn nước của Hồ chứa nước Cửa Đạt cho phát điện của Nhà máy thủy điện Cửa Đạt năm 2020 để có kế hoạch phát điện đạt sản lượng cao nhất, đồng thời đảm bảo duy trì nguồn nước dự trữ tại

hồ theo quy trình vận hành đơn hồ và liên hồ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu về nước cho mùa khô 2021.

- Bám sát tình hình thủy văn, tình hình giá điện trên thị trường điện và căn cứ vào sản lượng điện kế hoạch từng tháng (Qc) do Cục điều tiết điện lực giao nhằm tham gia thị trường điện trong từng thời điểm hợp lý, đảm bảo việc tham gia thị trường điện cạnh tranh đạt kết quả tốt nhất. Công ty phấn đấu trong năm 2021 tham gia thị trường điện với khoản doanh thu chênh lệch tăng giữa doanh thu trên thị trường và doanh thu đạt giá trị cao nhất.

- Điều chỉnh công tác vận hành nhà máy để phát huy hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với bộ phận vận hành của các đơn vị thành viên: Nhà máy Thủy điện Xuân Minh và Nhà máy Thủy điện Bái Thượng thực hiện công tác vận hành đạt hiệu quả tối ưu nhất cho công tác phát điện của các đơn vị.

3. Đối với công tác tài chính, công tác quản lý cổ đông

- Công ty tiếp tục cân đối nguồn tài chính, điều hành hoạt động một cách linh hoạt, hiệu quả để có nguồn tài chính trả nợ đúng tiến độ và kế hoạch đối với các khoản vay đặc biệt là nguồn trả nợ gốc và lãi từ phát hành trái phiếu. Đáp ứng nguồn tài chính để hoạt động của doanh nghiệp được thông suốt; Làm việc với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng để các khoản vay có mức lãi suất hợp lý nhất nhằm tiết kiệm chi phí tài chính tối đa cho doanh nghiệp. Vận dụng linh hoạt các giải pháp tài chính để đảm bảo Công ty có dòng tiền đảm bảo đủ nguồn vốn đầu tư các dự án mới trong năm 2021.

Bảng 1: Kế hoạch tích gốc trái phiếu năm 2021

ĐVT: Đồng

STT	Nguồn vốn vay	Kỳ ngày 22/05	Kỳ ngày 22/11	Ghi chú
1	Tiên phong bank	30.000.000.000	40.000.000.000	Khoản TP 500 tỷ
2	MBS		70.000.000.000	Khoản TP 400 tỷ
	Tổng cộng	**30.000.000.000**	**110.000.000.000**	

- Ngoài kế hoạch tích gốc trả nợ trái phiếu theo hợp đồng đã ký, trong năm 2021 Công ty cũng phải thực hiện trả lãi trái phiếu gồm 4 kỳ: ngày 22/02; ngày 22/05; ngày 22/08; và ngày 22/11, tổng số tiền lãi trái phiếu trong năm 2021 tương đương 100 tỷ đồng.

- Thực hiện chuyển sàn niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mục đích nâng cao vị thế và tạo điều kiện cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

- Thực hiện tốt, đầy đủ, chức năng công bố thông tin để việc công bố thông tin của doanh nghiệp kịp thời đến cổ đông và các nhà đầu tư. Theo dõi và hoàn thiện đầy đủ, kịp

thời, đúng quy định đối với công tác quản lý cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Trung tâm Lưu ký chứng khoán VN.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Bảng dự kiến Kế hoạch Sản lượng, Doanh thu phát điện hệ thống VCP

Stt	Tên nhà máy thủy điện	Công suất phát điện (MW)	Thực hiện năm 2020		Kế hoạch năm 2021		Tỷ lệ (%)	
			SL điện (Kwh)	Doanh thu bán điện (đồng)	SL điện (Kwh)	Doanh thu bán điện (đồng)	SL 2021/ 2020	DT 2021/ 2020
1	Cửa Đạt	97	311.609.564	218.746.453.849	455.767.000	349.756.018.400	146,26	159,89
2	Xuân Minh	15	49.394.974	63.227.397.105	68.745.455	77.987.952.667	139,17	123,34
3	Bái Thượng	6	18.431.645	21.919.636.452	27.733.143	29.521.704.864	150,47	134,68
4	Nậm La	27	79.288.670	102.126.906.786	106.000.000	120.652.600.000	133,69	118,14
5	Tắt ngoẵng	7	18.096.048	21.742.154.601	18.650.000	22.474.840.000	103,06	103,36
	Cộng	**152**	**476.820.901**	**427.762.548.793**	**767.895.598**	**600.393.115.931**		

Bảng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ KH 2021/TH 2020 (%)
1	Sản lượng điện (KWH)	311.609.564	455.767.000	146,26
2	Doanh thu và thu nhập	358.855.987.627	551.530.911.788	153,69
	Trong đó: DT bán điện	*218.746.453.849*	*349.756.018.400*	*159,89*
	DT khác và thu nhập khác	*140.109.533.778*	*201.774.893.388*	*144,01*
3	Tổng chi phí	248.174.027.931	457.045.223.873	184,16
4	Lợi nhuận trước thuế	110.681.959.696	94.485.687.915	85,37
	Trong đó: LN từ bán điện	*110.110.390.658*	*84.483.041.275*	*76,73*
	LN từ hoạt động khác	*571.569.038*	*10.002.646.640*	
5	Thuế TNDN	5.407.385.954	6.224.681.392	115,11
6	LN sau thuế	105.274.573.742	88.261.006.524	83,84
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	15	15	100

Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 và đề xuất kế hoạch

SXKD năm 2021. Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP rất mong nhận được ý kiến chỉ đạo, góp ý của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty để Công ty hoàn thiện làm cơ sở báo cáo Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C

M.S.D.N: 2800799804-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT

Vũ Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /2021/BC-HĐQT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2021

***Kính gửi*: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021**

Năm 2020 là năm kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam gặp nhiều biến khó khăn do dịch bệnh Covid-19; Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác sản xuất kinh doanh do và biến đổi khí hậu, điều kiện thủy văn không thuận lợi; chính sách của Nhà nước có nhiều thay đổi, hạn chế đối với việc đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã phát huy năng lực, trách nhiệm, tập trung trí tuệ, thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ lãnh đạo, chỉ đạo Công ty thực hiện các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao và đạt được một số kết quả nhất định.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VCP P&C báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2021 như sau:

PHẦN I:
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2020

1. Về cơ cấu, tổ chức Hội đồng quản trị:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, ĐHĐCĐ đã bầu ra Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019-2020 gồm 05 thành viên:

1. Ông Dương Văn Mậu, Chủ tịch HĐQT Công ty
2. Ông Vũ Ngọc Tú, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty
3. Ông Nguyễn Hữu Tới, Ủy viên HĐQT Công ty
4. Ông Vương Hoàng Minh,Ủy viên HĐQT Công ty
5. Ông Phạm Bảo Long, Ủy viên HĐQT Công ty

Đến 20/2/2020 Ông Dương Văn Mậu có đơn xin thôi đảm nhận chức danh Chủ tịch HĐQT. HĐQT đã nhất trí và thống nhất bầu ông Vũ Ngọc Tú làm Chủ tịch HĐQT thay ông Dương Văn Mậu.

Đến ngày 03/6/2020 và ngày 29/6/2020, Ông Dương Văn Mậu, ông Nguyễn Hữu Tới, ông Vương Hoàng Minh có đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty năm 2020 miễn nhiệm theo quy định. Cũng tại đại hội, ĐHĐCĐ bất thường đã bầu bổ sung ông Phạm Văn Minh, ông Trịnh Quốc Bình và ông Trịnh Nguyên Khánh làm thành viên HĐQT Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024

Như vậy, hiện nay cơ cấu HĐQT như sau:

1. Ông Vũ Ngọc Tú, Chủ tịch HĐQT Công ty
2. Ông Phạm Văn Minh, Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty
3. Ông Trịnh Nguyên Khánh, Ủy viên HĐQT Công ty
4. Ông Trịnh Quốc Bình, Ủy viên HĐQT Công ty
5. Ông Phạm Bảo Long, Ủy viên HĐQT Công ty (Ngày 01/3/2021, Ông Phạm Bảo Long cũng đã có đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị vì lý do cá nhân. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, HĐQT sẽ trình ĐH xem xét miễn nhiệm theo quy định).

2. Về hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị hoạt động theo chế độ tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Mọi Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Quy chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và lợi ích của của đông vì vậy mọi chỉ đạo, hoạt động của của HĐQT với Ban điều hành công ty luôn thông suốt, ổn định và hiệu quả. Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, 01 thành viên kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ không chuyên trách.

Các phiên dự họp của thành viên HĐQT năm 2020:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham gia dự họp	Ghi chú
1	Ông Dương Văn Mậu	Nguyên Chủ tịch HĐQT	Dự 2/6 phiên; Ủy quyền 4/6 phiên	100%	ĐHĐCĐ miễn nhiệm ngày 16/7/2021 vì lý do cá nhân
2	Ông Vương Hoàng Minh	Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT	Dự 3/7 phiên; Ủy quyền 3/7 phiên	85%	
3	Ông Nguyễn Hữu Tới	TV.HĐQT	Dự 2/6 phiên; Ủy quyền 4/6 phiên	100%	
4	Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 20/2/2021
5	Ông Phạm Bảo Long	TV.HĐQT kiêm TGĐ	9/9	100%	

6	Ông Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	2/2	100%	ĐHĐCĐ bầu ngày 16/7/2021
7	Ông Trịnh Nguyên Khánh	TV.HĐQT	2/2	100%	
8	Ông Trịnh Quốc Bình	TV.HĐQT	2/2	100%	

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã họp 09 phiên thông qua được 17 Nghị quyết, ban hành 20 Quyết định chỉ đạo, giám sát, điều hành tất cả các mặt hoạt động của Công ty. Cụ thể:

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2020 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
- Chỉ đạo xây dựng điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020 trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản);
- Bổ nhiệm Người đại diện theo Pháp luật, Bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty;
- Phát hành trái phiếu; góp vốn, mua cổ phần và phần vốn góp tại các Doanh nghiệp;
- Và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT như: thành lập Tiểu Ban Thư ký HĐQT, Tiểu Ban Đầu tư; Thành lập Tiểu Ban Đối ngoại – Pháp chế, Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT sửa đổi bổ sung; Ban hành Quy chế Người đại diện của Công ty tại các Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty sửa đổi, bổ sung; Huy động vốn của CBCNV và các tổ chức, cá nhân; Lựa chọn đơn vị kiểm toán; Thông qua việc trình ĐHĐCĐ Đổi tên Công ty,...

3. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất và kinh doanh của Hội đồng quản trị năm 2020

3.1. Về công tác đầu tư:

Với khẩu hiệu thương mại "Năng lượng mới vươn tới đỉnh cao", Tại phiên họp thứ mười, ngày 18/5/2021, HĐQT đã ban hành Nghị quyết thông qua phương án chi tiết góp vốn, mua cổ phần và phần vốn góp tại Công ty TNHH Thủy điện Đăk Robaye – 10MW, Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lô 4 -10MW, Công ty TNHH MTV Nhà máy thủy điện Thác Ba – 18MW và Công ty CP Thủy điện Nậm La – 27MW từ nguồn vốn phát hành trái phiếu riêng lẻ của Công ty. Đây đều là các dự án thủy điện, việc góp vốn, mua cổ phần và phần vốn góp của các Công ty thủy điện là phù hợp với năng lực, sở trường và mục tiêu chiến phát triển của Công ty từ nay đến năm 2030.

Tại Phiên họp thứ 11, ngày 22/6/2020, HĐQT đã Quyết định góp vốn đầu tư thành lập Công ty CP Cơ điện VCP chuyên lắp đặt, duy tu bảo dưỡng máy móc, thiết bị cho các Nhà máy điện nói chung và cho các Nhà máy điện trong hệ thống VCP nói riêng.

Tính đến thời điểm hiện tại, VCP có tất cả 07 đơn vị thành viên. Trong đó, 06 đơn vị có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất điện năng.

Các Quyết định và chỉ đạo của HĐQT đã góp phần mở rộng quy mô doanh nghiệp, tạo môi trường hoạt động chuyên nghiệp, chuyên môn hóa, tăng cường công tác truyền

thông, quảng bá năng lực, thương hiệu VCP trong và ngoài nước, tiến tới phát triển VCP trở thành một tập đoàn năng lượng - VCP holdings.

3.2. Về công tác vận hành các nhà máy thủy điện:

Năm 2020, do ảnh hưởng nặng nề của tình hình thủy văn, biến đổi khí hậu và dịch bệnh Covid 19 nên tình hình phát điện của ngành nói chung và của hệ thống VCP nói riêng gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, HĐQT đã sát sao chỉ đạo, lãnh đạo Ban điều hành và toàn thể CBCNV từng bước khắc phục khó khăn, vận dụng tối đa mọi cơ hội để vận hành các nhà máy đạt hiệu quả cao nhất. Kết quả phát điện năm 2020 cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Công suất phát điện (MW)	Sản lượng điện (Kwh)	Doanh thu bán điện (đồng)	Ghi chú
1	Thủy điện Cửa Đạt	97	311.609.564	218.746.453.849	
2	Thủy điện Xuân Minh	15	49.394.974	63.227.397.105	
3	Thủy điện Bái Thượng	6	18.431.645	21.919.636.452	
4	Thủy điện Nậm La	27	79.288.670	102.126.906.786	
5	Thủy điện Tắt ngoẵng	7	18.096.048	21.742.154.601	
	Cộng	**152**	**476.820.901**	**427.762.548.793**	

- Công ty chấp hành đầy đủ, tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước trong công tác vận hành các nhà máy. Công tác quản lý kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng, xử lý sự cố thiết bị, ATVSLĐ-PCCN luôn được chú trọng, không để xảy ra bất kỳ sự cố nào, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho máy móc thiết bị khi vận hành.

3.3. Về công tác làm tổng thầu thi công xây lắp:

- Hiện nay, Công ty đang làm Tổng thầu thi công xây lắp 02 dự án gồm: dự án Điện rác – Quế Võ, Bắc Ninh và Dự án nhà máy thủy điện Đăk Robaye. Năm 2020, doanh thu từ hoạt động tổng thầu đạt: 32,818 tỷ đồng

3.4. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ năm 2020:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành Công ty cổ phần VCP P&C nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch SXKD. Tuy nhiên, do điều kiện thủy văn không thuận lợi cho công tác phát điện là nguồn thu chính của Công ty, nên tháng 12/2020 HĐQT đã xin ý kiến ĐHĐCĐ cho điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Kết thúc năm 2020, kết quả SXKD của Công ty đạt được những kết quả nhất định, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, cụ thể như sau:

- Doanh thu và thu nhập (gồm doanh thu bán điện, tổng thầu và các hoạt động khác) đạt 358,855 tỷ đồng (đạt 112% so với kế hoạch điều chỉnh);
- Lợi nhuận trước thuế đạt 110,681 tỷ đồng (đạt 102% so với kế hoạch điều chỉnh)

3.5. Về công tác quản lý và giám sát hoạt động tài chính

- Đầu năm 2020, HĐQT đã thực hiện thành công phát hành trái phiếu doanh nghiệp đảm bảo nguồn vốn để đầu tư, M&A một số dự án. Ngoài ra, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, khắc phục khó khăn, huy động mọi

nguồn thu thực hiện trả nợ gốc, lãi vay, cân đối đảm bảo đủ nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn vốn phục vụ công tác đầu tư. Do đó, tình hình tài chính của Công ty trong năm 2020 vẫn giữ được ổn định so với các năm trước và trong khả năng kiểm soát, trong năm không để xảy ra tình trạng chậm trả, quá hạn.

3.6. Về công tác nhân sự:

Năm 2020, HĐQT Công ty đã thực hiện kiện toàn nhân sự HĐQT và Ban điều hành Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong năm 2020 và những năm tiếp theo. Cụ thể:

- Tại phiên bất thường ngày 20/2/2020, HĐQT đã thực hiện bầu ông Vũ Ngọc Tú làm Chủ tịch HĐQT Công ty thay ông Dương Văn Mậu từ nhiệm vì lý do cá nhân.
- Tại Phiên thứ tám, ngày 25/3/2020, HĐQT bầu ông Vương Hoàng Minh làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty và Bổ nhiệm ông Phạm Văn Minh làm Tổng giám đốc Công ty;
- Ngày 15/5/2020, HĐQT quyết định Bổ nhiệm ông Vũ Ngọc Tú – Chủ tịch HĐQT làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty thay ông Phạm Văn Minh;
- Tại phiên họp thứ 11, ngày 22/6/2020, HĐQT Bổ nhiệm ông Phạm Bảo Long làm Tổng giám đốc Công ty thay ông Phạm Văn Minh;
- Tại phiên họp thứ 12, ngày 16/7/2020, HĐQT bầu ông Phạm Văn Minh làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty;
- Ngày 28/12/2020, HĐQT quyết định Thôi giao nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc Công ty đối với ông Đỗ Vương Cường vì lý do cá nhân;
- Ngày 05/3/2020, HĐQT quyết định Thôi giao nhiệm vụ Tổng giám đốc Công ty đối với ông Phạm Bảo Long vì lý do cá nhân. Đồng thơi giao cho ông Vũ Ngọc Tú – Chủ tịch HĐQT Công ty kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty đến khi tổ chức ĐHĐCĐ gần nhất.

4. Đánh giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá:

- Tổng giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh, báo cáo kịp thời các nội dung đề nghị và trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt; Tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung Nghị quyết của HĐQT; Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật về chế độ đối với người lao động,... Tổng giám đốc luôn sáng tạo, linh hoạt trong điều hành nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty. Năm 2020, chỉ tiêu lãi cơ bản/cổ phiếu đạt 1.500 đồng/cổ phần.
- Ban điều hành và tập thể CBCNV trong Công ty đã phấn đấu và nỗ lực hết mình trong việc thực hiện hoạt động SXKD, công tác đầu tư; nhiệm vụ quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả của dự án. Ban Điều hành cũng thường xuyên có những đề xuất, kiến nghị kịp thời, giải pháp phù hợp để tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng công việc, tiết giảm các chi phí.

- Ban điều hành là một tập thể đoàn kết, năng động, nghiêm túc trong công việc, chủ động, sáng tạo trong quản lý điều hành. Luôn bám sát thực tế, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của Hội đồng quản trị. Do đó, năm 2020 mặc dù tình hình thủy văn không thuận lợi nhưng các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản vẫn hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Trong năm 2020, Ban điều hành Công ty đã đề xuất và thực hiện được nhiều biện pháp, giải pháp tài chính đồng bộ làm tăng doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty như: Điều hành hoạt động tham gia thị trường điện một cách hài hòa, hợp lý, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý, cấn đối nguồn vốn và điều chỉnh kế hoạch trả nợ hợp lý.

PHẦN II:
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Qua việc nhận định và dự báo về tình hình kinh tế, xã hội trong và ngoài nước, nắm bắt các số liệu, diễn biến của tình hình thủy văn, cũng như trách nhiệm trước cổ đông, HĐQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản trị điều hành trong năm 2021 như sau:

1. Kế hoạch vận hành các Nhà máy thủy điện năm 2021:

TT	Tên nhà máy thủy điện	Công suất phát điện (MW)	Thực hiện năm 2020		Kế hoạch năm 2021		Tỷ lệ (%)	
			SL điện (Kwh)	Doanh thu bán điện (đồng)	SL điện (Kwh)	Doanh thu bán điện (đồng)	SL 2021/ 2020	DT 2021/ 2020
1	Cửa Đạt	97	311.609.564	218.746.453.849	455.767.000	349.756.018.400	146,26	159,89
2	Xuân Minh	15	49.394.974	63.227.397.105	68.745.455	77.987.952.667	139,17	123,34
3	Bái Thượng	6	18.431.645	21.919.636.452	27.733.143	29.521.704.864	150,47	134,68
4	Nậm La	27	79.288.670	102.126.906.786	106.000.000	120.652.600.000	133,69	118,14
5	Tất ngoẵng	7	18.096.048	21.742.154.601	18.650.000	22.474.840.000	103,06	103,36
	Cộng	**152**	**476.820.901**	**427.762.548.793**	**767.895.598**	**600.393.115.931**		

- Căn cứ tình hình thủy văn để chủ động, linh hoạt trong công tác chỉ đạo lập kế hoạch, vận hành các nhà máy để bán điện với giá tối ưu nhất.
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị; Tuân thủ các quy định của pháp luật; phòng ngừa các sự cố, tai nạn lao động, cháy nổ trong khi vận hành.

2. Về công tác sản xuất kinh doanh Công ty mẹ:

Năm 2021, tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, tăng cường năng lực quản trị, điều chỉnh lại một số chiến lược và giải pháp chỉ đạo công tác SXKD, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch với một số chỉ tiêu chính như sau:

Bảng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ KH 2021/TH 2020 (%)
1	Sản lượng điện (KWH)	311.609.564	455.767.000	146,26
2	Doanh thu và thu nhập	358.855.987.627	551.530.911.788	153,69
	Trong đó: DT bán điện	*218.746.453.849*	*349.756.018.400*	*159,89*
	DT khác và thu nhập khác	*140.109.533.778*	*201.774.893.388*	*144,01*
3	Tổng chi phí	248.174.027.931	457.045.223.873	184,16
4	Lợi nhuận trước thuế	110.681.959.696	94.485.687.915	85,37
	Trong đó: LN từ bán điện	*110.110.390.658*	*84.483.041.275*	*76,73*
	LN từ hoạt động khác	*571.569.038*	*10.002.646.640*	
5	Thuế TNDN	5.407.385.954	6.224.681.392	115,11
6	LN sau thuế	105.274.573.742	88.261.006.524	83,84
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	15	15	100

3. Về công tác đầu tư:

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục đầu tư các dự án chuyển tiếp.
- Tìm kiếm xem xét, đánh giá các công ty, đơn vị cùng ngành nghề để góp vốn, nhận chuyển nhượng cổ phần, mua phần vốn góp , nhận chuyển nhượng các dự án trong lĩnh vực năng lượng tái tạo có hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

4. Về công tác tài chính:

- Chỉ đạo ban điều hành cân đối nguồn tài chính; Vận dụng linh hoạt các giải pháp tài chính để đảm bảo dòng tiền phục vụ SXKD, trả nợ gốc và lãi trái phiếu và đầu tư góp vốn vào các dự án mới trong năm 2021.

5. Công tác quản lý cổ đông:

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02A/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 về việc thực hiện các thủ tục chuyển sàn niêm yết (Từ sàn UPCOM sang sàn HOSE) và trả cổ tức năm 2019 (32%) bằng cổ phiếu.

6. Giải pháp thực hiện:

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của từng thành viên Hội đồng quản trị trong công tác quản trị doanh nghiệp, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chỉ đạo phối hợp giữa HĐQT, Ban

Điều hành cũng như cơ chế phối hợp với Ban Kiểm soát, các tổ chức Đảng, Đoàn thể nhằm phát huy sức mạnh đoàn kết nội bộ của Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát các nội dung trong định hướng chiến lược phát triển Công ty từ nay đến năm 2030 để triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị nguồn vốn, nguồn nhân lực có chất lượng để đầu tư vào các dự án mang lại hiệu quả cho Công ty.
- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đánh giá năng lực cán bộ để bố trí công việc cho phù hợp, hiệu quả. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý điều hành.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về kết quả công tác quản lý, điều hành năm 2020 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2021. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét và đóng góp ý kiến để HĐQT không ngừng nâng cao trách nhiệm quản trị, năng lực quản lý điều hành, góp phần xây dựng Công ty cổ phần VCP P&C ngày càng lớn mạnh và phát triển bền vững; Đề nghị ĐHĐCĐ thông qua, giao cho HĐQT triển khai thực hiện kế hoạch và ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động trong năm 2021.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 2800774804 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

VŨ NGỌC TÚ

Nơi nhận:

- *Như kính gửi.*
- *Lưu HĐQT, TCHC.*

CÔNG TY CỔ PHẦN **XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP** ---------- Số: 07 /2021/BC-BKS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** -----ꕥ----- *Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

*****

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ:

- *Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (sau đây gọi tắt là "Công ty");*
- *Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định Việt Nam (AVA);*
- *Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Công ty năm 2020.*

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP nhiệm kỳ 2019 - 2024 gồm 03 thành viên:

- Bà Đinh Thị Hạnh - Trưởng Ban
- Bà Nghiêm Quỳnh Chi - Thành viên
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc - Thành viên

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết quả hoạt động năm 2020, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

A. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂM 2020

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Bầu Trưởng ban kiểm soát.
2. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để Hội đồng quản trị bổ nhiệm đơn vị kiểm toán theo ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
3. Ban Kiểm soát đã tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty, lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác hàng quý, xác định nội dung trọng điểm cho từng hoạt động đầu tư hay vận hành để xây dựng nội dung kiểm soát phù hợp.
4. Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty hàng quý, năm đồng thời đã có những góp ý, ý kiến tham gia về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty tại các cuộc họp.
5. Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, đánh giá những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt, có phân tích nguyên nhân cụ thể.

6. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
7. Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế công ty và pháp luật quy định.
8. Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty; Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.
9. Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được kiểm toán soát xét 06 tháng đầu năm và cả năm 2020, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập theo chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của công ty.
10. Ban kiểm soát tham gia các ý kiến đóng góp cho công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo chức năng nhiệm vụ được quy định, các kiểm soát viên đã nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm về kế toán, tài chính, pháp luật của mình trong việc giám sát hoạt động tài chính, giám sát việc quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Kết quả kiểm tra hoạt động của Công ty năm 2020:

1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2019-2020 bao gồm 05 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tổ chức vào ngày 15/5/2020, và tại Đại hội đồng cổ đông bất thường này 16/7/2020. Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp và ban hành các Nghị quyết theo đúng trình tự thủ tục, phù hợp chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty với các nội dung chính như sau:

- Bầu các chức danh trong Hội đồng quản trị và Bổ nhiệm các chức danh quản lý cấp cao, sắp xếp cơ cấu tổ chức Công ty để hoàn thiện bộ máy hoạt động. HĐQT cũng thành lập một số tiểu ban trực thuộc HĐQT như Tiểu ban Đối ngoại-pháp chế, Tiểu ban Đầu tư để tham mưu cho HĐQT trong định hướng, chiến lược phát triển công ty;
- Thông qua các Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Người đại diện quản lý phần vốn;
- Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định Việt Nam (AVA) là đơn vị kiểm toán độc lập theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Phê duyệt các hoạt động khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư kịp thời, thực hiện theo đúng Điều lệ hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật;

2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã tích cực triển khai các nhiệm vụ công việc được giao nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ngày 21/12/2020 ĐHĐCĐ Công ty đã thông qua việc điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh

năm 2020 theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-ĐHĐCĐ. Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt được kết quả như sau:

TT	Nội dung	**Kế hoạch năm 2020** *(Theo NQ ĐHĐCĐ bất thường 2020)*	**Thực hiện năm 2020** *(Theo BCTC công ty mẹ đã được kiểm toán)*	**TH/KH (%)**
1	Sản lượng (Kwh)	306.940.000	311.609.564	101,52%
2	Doanh thu (VNĐ)	319.561.000.000	253.945.222.393	79,47%
3	Lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	108.350.000.000	110.681.959.696	102,15%
4	Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	102.764.000.000	105.274.573.742	102,44%
5	Cổ tức (%)	15% - 20%		

Đánh giá: Điều kiện thủy văn không thuận lợi khiến công tác phát điện gặp nhiều khó khăn, sản lượng phát điện cả năm đạt 311.609.564 Kwh, đạt 101,52%. Chỉ tiêu Doanh thu năm 2020 đạt 253,945 tỷ VND, đạt 79,47%; Lợi nhuận trước thuế đạt 110,681 tỷ VND, đạt 102,15%; Lợi nhuận sau thuế đạt 105,274 tỷ VND, đạt 102,44%. Công ty vẫn hoàn thành các chỉ tiêu Sản lượng, Lợi nhuận theo kế hoạch do năm 2020 Ban Tổng Giám đốc thực hiện công tác vận hành trên thị trường điện cạnh tranh nỗ lực đạt hiệu quả, bù được phần doanh thu thiếu hụt do sản lượng điện phát ít đi.

Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Thực hiện nghiên cứu phát triển các dự án năng lượng được giao

Tình hình tài chính của Công ty được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2020
A	**Hệ số thanh toán**		
1	Hệ số thanh toán hiện hành = Tổng tài sản/Nợ phải trả	Lần	1,73
2	Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản NH/Nợ NH	Lần	1,03
B	**Hệ số cơ cấu nguồn vốn**		
1	Cơ cấu Tài sản NH = Tài sản NH/Tổng Tài sản	%	11,13
2	Cơ cấu vốn nợ = Nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	1,36
C	**Hệ số khả năng sinh lời**		
1	Tỷ suất LNTT/Tổng TS (ROA)	%	4,82
2	Tỷ suất LNTT/Vốn CSH (ROE)	%	11,37

(Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2020)

3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

Báo cáo tài chính năm 2020 được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định Việt Nam (AVA) kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, đúng chuẩn mực Kế toán Việt Nam và quy định về pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban

kiểm soát thống nhất với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính năm 2020 mà Hội đồng quản trị đệ trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Công ty đã tuân thủ các quy định và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hạch toán, chế độ báo cáo tài chính. Việc lập, luân chuyển chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, đầy đủ và đúng mẫu biểu theo chế độ kế toán hiện hành.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2020, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

Công ty đã thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định đối với Công ty đại chúng lớn và Điều lệ Công ty.

III. <u>Kết luận</u>

- Năm 2020, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã tiếp tục thể hiện sự phát triển của Công ty mặc dù điều kiện thủy văn không thuận lợi cho hoạt động sản xuất của công ty trong năm 2020.
- Công tác đầu tư của công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, việc quản lý giám sát công tác đầu tư tại các công ty con được thực hiện chặt chẽ thông qua hệ thống báo cáo định kỳ, thường xuyên thông qua người đại diện quản lý vốn tại các công ty con.
- Ban Kiểm soát nhận định trong năm 2020, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý trong đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành. Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, đầu tư cũng như ứng phó kịp thời những biến động của thị trường và điều kiện tự nhiên trong điều kiện khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. <u>Nhiệm vụ chung</u>:

- Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát
- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2021, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kì theo điều lệ của công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, lấy ngăn ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh

nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

II. <u>Nhiệm vụ cụ thể năm 2021</u>:

- Phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông công ty.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Soát xét Báo cáo tài chính định kỳ theo quý.
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Kiểm soát tình hình góp vốn và tham gia quản lý vốn góp, hiệu quả vốn góp vào các công ty con của Công ty.
- Giám sát tình hình thực hiện các Dự án đầu tư.
- Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về chi trả cổ tức năm 2020.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty, từ đó kịp thời đưa ra các đề xuất, cảnh báo hỗ trợ hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP năm 2020; phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đinh Thị Hạnh

<u>Nơi nhận:</u>
- *Như trên,*
- *HĐQT,*
- *Lưu VP Cty+BKS*

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /2021/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VCP P&C**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để đảm bảo việc tuân thủ các quy định mới của Luật doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VCP P&C kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt và thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VCP P&C (chi tiết theo dự thảo đính kèm).

Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi của Công ty cổ phần VCP P&C sẽ có hiệu lực áp dụng ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận:
- Như kính gửi.
- Lưu TCHC, HĐQT, TLĐH.

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020

TT	Điều lệ cũ	Dự thảo Điều lệ mới	Ghi chú
1		Điều 1: Giải thích thuật ngữ Khoản 1: bổ sung khái niệm: Vốn có quyền biểu quyết; Người quản lý doanh nghiệp; Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành; Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; Người phụ trách quản trị Công ty; Cổ đông	Giải thích rõ khái niệm
	Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu Khoản 3: **Trong thời hạn 10 ngày** kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần **được** cấp chứng nhận cổ phiếu	Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu **Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày** kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần **có thể được** cấp chứng nhận cổ phiếu	
	Điều 11: Quyền của cổ đông Quy định quyền của Cổ đông phổ thông; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên	Điều 12: Quyền của cổ đông Tách quyền của cổ đông Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên với quyền của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên Quy định cụ thể, chi tiết hơn quyền của Cổ đông phổ thông; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên	
	Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông Quy định chi tiết hơn nghĩa vụ của cổ đông; bổ sung thêm quy định về việc thanh toán và rút vốn, bảo mật thông tin	
	Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Bổ sung điểm J,k,l về quyền của cổ đông: **j, Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;** **k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;** **l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt**	

TT	Điều lệ cũ	Dự thảo Điều lệ mới	Ghi chú
		<u>động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</u> Khoản 2: Quy định chi tiết cụ thể hơn thẩm quyền thảo luận và thông qua các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông	
	Điều 15: Đại diện theo ủy quyền	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông Bổ sung điều khoản: người được ủy quyền dự họp được ủy quyền lại. Cụ thể khoản 2 quy định: Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. **<u>Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</u>**	
	Điều 16. Thay đổi các quyền Khoản 1: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua	Điều 17. Thay đổi các quyền Khoản 1: Tăng tỷ lệ biểu quyết thông qua NQ ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi. Cụ thể Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. **<u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u>**	
	Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông Điểm a khoản 2: Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. **<u>Danh</u>**	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông Điểm a khoản 2: Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty. **<u>Danh sách cổ đông có</u>**	

TT	Điều lệ cũ	Dự thảo Điều lệ mới	Ghi chú
	sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Khoản 3: ……. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong **Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc** cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)…… Điểm b Khoản 5: Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông **không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên** trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;	**quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.** Khoản 3: …….Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong **Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc** cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)….. Điểm b Khoản 5: Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông **không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên** theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;	
	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Bổ sung Khoản 5: Quy định về cách biểu quyết các vấn đề tại đại hội Bổ sung Khoản 6: Quy định về biểu quyết của cổ đông đến muộn Bổ sung Khoản 7: Quy định quyền của chủ tọa áp dụng các biện pháp an ninh để duy trì trật tự đại hội Bổ sung Khoản 8: Quy định về trường hợp hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp Bổ sung khoản 9: Quy định về trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định Bổ sung khoản 10: Quy định về trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông	

TT	Điều lệ cũ	Dự thảo Điều lệ mới	Ghi chú
	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 20 Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được **thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu** của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, **trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:** a, Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b, Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c, Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d, Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; e, Tổ chức lại, giải thể Công ty. 2. Các nghị quyết được **thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	K3-Đ148: qđ về bầu TVHĐQT K4-Đ148: qđ về các nội dung biểu quyết có hiệu lực khi trên 50% phiếu thông qua K6-Đ148: qđ nghị quyết liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ phần ưu đãi
	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và **phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến**. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này. 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và **gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến**. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng	

TT	Điều lệ cũ	Dự thảo Điều lệ mới	Ghi chú
	đông bằng văn bản **phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận** và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. ..	văn bản nếu **được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành** và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 5. **Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty**	Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 4. **Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.**	
	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1.**Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ năm (05) đến bảy (07) người**. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. **Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tùy theo từng thời điểm.** 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. **Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục**..... *Bổ sung Khoản 3.b*: Quy định về số lượng thành vên độc lập HĐQT Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	
		Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị Quy định chi tiết cụ thể hơn quyền và nghĩa vụ của HĐQT, nổi bật là các điều khoản sau:	

TT	Điều lệ cũ	Dự thảo Điều lệ mới	Ghi chú
		Khoản 2.c: **Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;** Khoản 2h: Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, **trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;**	
	Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị Khoản 7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên **ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp**	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị Khoản 6: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp **chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp**….. **Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và tham dự họp.**	
	Điều 36. Kiểm soát viên 3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. **Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệpvà phải làm việc chuyên trách tại Công ty**.	Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. **Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp**.	
	Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người	Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với giao dịch **có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất**, những nội dung	

TT	Điều lệ cũ	Dự thảo Điều lệ mới	Ghi chú
	liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng **có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất**, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị **lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất**, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;	quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch **có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất**, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	
	Bỏ điều 52: Gia hạn hoạt động		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

- VCP P&C -

(DỰ THẢO)

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
(SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LẦN 9)

THÁNG 04 NĂM 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 1

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY2

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 2

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 2

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..2

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 2

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 5

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 6

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 6

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 6

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 7

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 7

Điều 10. Thu hồi cổ phần 7

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 7

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 8

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 8

Điều 12. Quyền của cổ đông 8

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 9

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 10

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 11

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 13

Điều 17. Thay đổi các quyền 13

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. 14

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 15

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 15

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 17

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 20

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 21
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 22
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 23
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 23
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 24
Điều 31. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 26
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty 26
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 27
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 27
Điều 34. Người điều hành Công ty 27
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 27
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT 28
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 29
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát 29
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 29
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 30
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát 30
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 30
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 31
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng 31
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 31
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 32
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 32
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 32
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 33
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn 33
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 33
Điều 47. Phân phối lợi nhuận 33
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 34
Điều 48. Tài khoản ngân hàng 34
Điều 49. Năm tài chính 34

Điều 50. Chế độ kế toán 34
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 34
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 34
Điều 52. Báo cáo thường niên 35
CHƯƠNG VI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 35
Điều 53. Kiểm toán 35
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOAN NGHIỆP 35
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp 35
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 35
Điều 55. Giải thể Công ty 35
Điều 56. Thanh lý 36
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 36
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ 36
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 36
Điều 59. Điều lệ Công ty 37
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC 37
Điều 60. Ngày hiệu lực 37

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP ngày 22 tháng 04 năm 2021.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) "**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

d) "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

e) "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

f) "**Người quản lý doanh nghiệp**" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm;

g) "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

h) "**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

i) "**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**" là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

j) "**Người phụ trách quản trị Công ty**" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

k) "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

l) "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

m) "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

o) "**Việt Nam**" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

p) "**Công ty**" là Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

q) "**VCP P&C**" là tên viết tắt của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác

bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP**

- Tên tiếng Anh: **VCP POWER & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt: **VCP P&C.,JSC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: 0246 269 9988

- Fax: 0246 269 9977

- E-mail: vcpholdings2020@gmail.com

- Website: http://www.vcpholdings.com/

http://www.vcpholdings.com.vn/

http://www.vcpholdings.vn/

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành
1.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt - Chi tiết: Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram
2.	Khai thác quặng kim loại quí hiếm - Chi tiết: Khai thác quặng kim loại quý hiếm
3.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét - Chi tiết: Khai thác đất, đá, cát sỏi, đất sét;
4.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram, quặng kim loại quý hiếm (không bao gồm xuất khẩu vàng nguyên liệu);
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
6.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
7.	Sửa chữa thiết bị khác - Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng thiết bị
8.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác - Chi tiết: Tư vấn xây lắp các công trình điện
9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác - Chi tiết: Đào tạo vận hành nhà máy thủy điện; Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy thủy điện;
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy - Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng xe máy
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Kinh doanh thiết bị xây dựng
12.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
13.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê
14.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án; Thẩm tra các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, thủy lợi (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)
15.	Cho thuê xe có động cơ - Chi tiết: Dịch vụ cho thuê xe máy
16.	Điều hành tua du lịch

STT	Tên ngành
17.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét - Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
18.	Sản xuất điện - Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng
19.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch - Chi tiết: Kinh doanh du lịch
20.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển - Chi tiết: Dịch vụ cho thuê thiết bị
21.	Xây dựng nhà để ở
22.	Xây dựng nhà không để ở
23.	Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động
24.	Đào tạo sơ cấp
25.	Đào tạo trung cấp
26.	Đào tạo cao đẳng
27.	Giáo dục nhà trẻ
28.	Giáo dục mẫu giáo
29.	Giáo dục tiểu học
30.	Giáo dục trung học cơ sở
31.	Giáo dục trung học phổ thông
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. + Tư vấn du học
33.	Đào tạo đại học
34.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
35.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện nguyên tử, điện

STT	Tên ngành
	mặt trời, đường dây và trạm biến thế đến 500KV, các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội, khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác
36.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
37.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
38.	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: - Kinh doanh khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự
40.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
41.	Tái chế phế liệu
42.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
43.	Thu gom rác thải không độc hại
44.	Thu gom rác thải độc hại
45.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
46.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại

2. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty đã thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký tới cơ quan đăng ký kinh doanh và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

3. Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

4. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 569.999.930.000 VND (Năm trăm sáu mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

   Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 56.999.993 (Năm mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở

hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin về cổ phiếu đã mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty được lựa chọn theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát; và
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà mình sở hữu trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua

các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động

của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty, bao gồm các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, con dấu (nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức có con dấu).

   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại thì quy định tại Điều khoản này sẽ không được áp dụng.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có

mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán

thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau

đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo các hình thức sau:

a) Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được gửi tới các cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) đều có hiệu lực

pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác (nếu có);

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;

i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên hoặc toàn bộ số ứng cử viên nếu cơ cấu Hội đồng quản trị có nhiều hơn 9 thành viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tùy theo từng thời điểm.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị

trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty;

người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

   Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và tham dự họp.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

   Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự họp các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành

viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 31. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

2. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc Công ty; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc

phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

j) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị Công ty có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban

kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị,

thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các

chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên (18/05/2004) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm 2004.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo

tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương và 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP nhất trí thông qua ngày ... tháng 04 năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VŨ NGỌC TÚ

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Số TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	0	0
2	Tổng Công ty Sông Đà	Tòa nhà Sông Đà, Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	4.032.972	7,08
3	Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Km10 quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Tp Hà Nội	24.000	0,042
4	Tổng công ty Xây dựng thuỷ lợi 4 - CTCP	205 Nguyễn Xí, phường 26, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	1.732.800	3,04

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09 /2021/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VCP P&C**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Để đảm bảo việc tuân thủ các quy định mới của Luật doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VCP P&C kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt và thông qua toàn văn:

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần VCP P&C (chi tiết theo dự thảo đính kèm).
2. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VCP P&C (chi tiết theo dự thảo đính kèm).

Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VCP P&C sẽ có hiệu lực áp dụng sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận:
- Như kính gửi.
- Lưu TCHC, HĐQT, TLĐH.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

- VCP P&C -

(DỰ THẢO)

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÁNG 04 NĂM 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 1
Điều 2. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông 1
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 2
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 4
Điều 5. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông) 4
Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông 6
Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông 6
Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 7
Điều 9. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu 7
Điều 10. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 8
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu 8
Điều 12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua 8
Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 9
Điều 14. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. 9
Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 9
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11
Điều 16. Vai trò của Hội đồng quản trị 11
Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị. 11
Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 19. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 21. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 14
Điều 22. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị 16
Điều 23. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị. 16
Điều 24. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị. 17
Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị 18
Điều 26. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 19
Điều 27. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty 19
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT 20
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, ... 20
Điều 29. Quyền và Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát 21
Điều 30. Thành phần Ban kiểm soát 21
Điều 31. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 22

Điều 32. Cuộc họp của Ban Kiểm soát 23
Điều 33. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát 24
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC 24
Điều 34. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; 24
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc 25
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC 26
Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát 26
Điều 37. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc 27
Điều 38. Phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc 27
Điều 39. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác 28
CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH 28
Điều 40. Hiệu lực thi hành 28

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C --------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Hà Nội, ngày ... tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số ...../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày... tháng 04 năm 2021;*
- *Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;*

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

   Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

   Quy chế nội bộ về quản trị công ty này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan của Công ty.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao

nhất của Công ty.

2. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua

trước khi thực hiện.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.
3. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 của Điều lệ Công ty.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 của Điều lệ Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:
   a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty;
   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
   c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
   d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
   e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
   f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
   g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp
   a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty.
   b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
   a) Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
   b) Khi công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
   c) Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) chậm nhất 08 ngày làm việc liền trước ngày đăng ký cuối cùng hoặc một thời hạn khác theo quy định của VSD, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:
      i) Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng (Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do Tổ

chức phát hành hoặc VSD trên cơ sở ủy quyền của Tổ chức phát hành ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Tổ chức phát hành, VSD và quy định của pháp luật);

ii) Mục đích sử dụng danh sách;

iii) Nội dung cụ thể về thông tin quyền thực hiện (tỷ lệ thực hiện, ngày thực hiện, địa điểm thực hiện…).

4. Gửi Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

b) Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

c) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Trường hợp Công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.

d) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);

iii) Phiếu biểu quyết;

iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Kiến nghị bổ sung Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm a khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;

iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ

đông;

iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm a khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty, bao gồm các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, con dấu (nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức có con dấu).

   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

   a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

   b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

   c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

1. Người triệu tập cuộc họp thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban kiểm tra tư cách cổ đông cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

   a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

   b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

   c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

   a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

   b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn

cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 10. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.

2. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

2. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

3. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

4. Việc bỏ phiếu và kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và

khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 14. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo các hình thức sau:

a) Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

g) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được gửi tới các cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

1. Quyền hạn của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những

người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch và Hội đồng quản trị cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

r) Các quyền hạn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty.

b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020.

g) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020.

j) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty, Quy chế này, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

   a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

   b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

   c) Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị.

   d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

   e) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

   f) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối.

   g) Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

   h) Đăng ký, thông báo khi có thay đổi tới Hội đồng quản trị các thông tin nhân thân, thông tin liên lạc, điện thoại, thư điện tử (email), chữ ký điện tử (nếu có) và các thông tin khác của bản thân. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật email cá nhân của mình và chịu trách nhiệm đối với những ý kiến biểu quyết của mình qua email đã đăng ký với Hội đồng quản trị.

   i) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 21. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;

i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên hoặc toàn bộ số ứng cử viên nếu cơ cấu Hội đồng quản trị có nhiều hơn 9 thành viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không

đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

b) Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

c) Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

ii) Trình độ chuyên môn;

iii) Quá trình công tác;

iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

vi) Các thông tin khác (nếu có);

vii) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

iii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

e) Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán khi thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; nhận được đơn xin từ chức của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 23. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm

thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 24. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

   Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

   a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

      i) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

      ii) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

      iii) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

   b) Đề nghị quy định tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

   c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

   a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

   c) Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và dự họp.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

   a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

   b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự họp các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không

có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

a) Căn cứ vào các nội dung, nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

b) Các nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được gửi đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc cùng các thành viên khác có liên quan của Công ty chậm nhất 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày các thành viên Hội đồng quản trị dự họp ký đầy đủ vào Văn bản.

c) Các nội dung nghị quyết Hội đồng quản trị thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.

2. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.

4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 27. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật về chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban

kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Quyền và Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

e) Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

f) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 30. Thành phần Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo

tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 31. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;

i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên của tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được đề cử chín (09) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

b) Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

c) Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

ii) Trình độ chuyên môn;

iii) Quá trình công tác;

iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);

v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

vi) Các thông tin khác (nếu có);

vii) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

7. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Thông báo về thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Công ty phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán khi thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; nhận được đơn xin từ chức của Ban kiểm soát.

Điều 32. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ

hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp.

2. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

3. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 33. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 34. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

   a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

   b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

   d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

   e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

   f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

   g) Tuyển dụng lao động;

   h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

   i) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội

đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

j) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

m) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc Công ty; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị Công ty có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Tổng giám đốc được trả lương, thưởng và các lợi ích khác.

b) Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

c) Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

2. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

b) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;

c) Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến Ban Kiểm soát trong thời hạn quy định theo Quy chế này và Điều lệ Công ty;

d) Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo quy định nội bộ;

e) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng thời gian quy định.

3. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị

a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

b) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty bất kỳ lúc nào. Quy trình và thời hạn cung cấp theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

c) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc, kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;

d) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

e) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

f) Đối với kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi bằng văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất 7 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 37. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xác định các chủ trương, chính sách, định hướng và quy chế quản trị làm cơ sở để Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị quy định chế độ thông tin/báo cáo làm cơ sở để nắm tình hình hoạt động của Công ty và ra quyết định; Tổng Giám đốc có trách nhiệm duy trì chế độ thông tin, báo cáo đến Hội đồng quản trị kịp thời, đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện thuận lợi để Hội đồng quản trị nắm tình hình hoạt động của Công ty.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/phân công/chỉ đạo của Hội đồng quản trị /Chủ tịch Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Tổng Giám đốc không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có quyền trao đổi, bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

5. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

6. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

Điều 38. Phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (hoặc cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;

2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty. Tùy mức độ và kết quả, Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính của Công ty hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

5. Đối với thông tin, tài liệu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo các quy định về khen thưởng, kỷ luật do Công ty ban hành từng thời kỳ.

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP bao gồm 7 Chương và 40 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng 4 năm 2021.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

VŨ NGỌC TÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

	Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021

(DỰ THẢO) QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP số ..../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021;*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ

đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (3) đến mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân

về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành

viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo

nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vũ Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10 /2021/TTr-BKS	*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VCP P&C**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Để đảm bảo việc tuân thủ các quy định mới của Luật doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính, Ban kiểm soát Công ty cổ phần VCP P&C kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt và thông qua toàn văn Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần VCP P&C (chi tiết theo dự thảo đính kèm).

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần VCP P&C sẽ có hiệu lực áp dụng sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và Ban kiểm soát ký quyết định ban hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đinh Thị Hạnh

Nơi nhận:
- Như kính gửi.
- Lưu TCHC, HĐQT, TLĐH.

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

	Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021

(Dự thảo)

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP số ..../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021;*

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. ***Phạm vi điều chỉnh***

Quy định này quy định về việc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP, bao gồm các nội dung sau:

- Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát;
- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát;
- Hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Quan hệ giữa Ban Kiểm soát với cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban trong Công ty;
- Khen thưởng, kỷ luật và lợi ích của Ban Kiểm soát

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng thống nhất cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP và các công ty con

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

VCP: Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP
Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP
HĐQT: Hội đồng quản trị của VCP
BKS: Ban Kiểm soát của VCP
ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông của VCP
KSNB: Kiểm soát nội bộ

CHƯƠNG II
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định tại quy chế này.
2. Ban Kiểm soát có số thành viên tối thiểu 03 người trong đó 01 người là Trưởng Ban. Trưởng Ban kiểm soát do BKS bầu trong số các Kiểm soát viên theo nguyên tắc đa số. Ít nhất một nửa số Kiểm soát viên phải thường trú tại Việt Nam.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận Kiểm toán nội bộ, bộ phận tư vấn, tham mưu giúp việc trực thuộc Ban Kiểm soát.
4. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên (BKS) không quá 05 năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 4: Tiêu chuẩn và điều kiện bầu, bổ nhiệm Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền kề gần nhất;
- Có bằng đại học trở lên, được đào tạo tại một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- Thành viên BKS chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại công ty.

Điều 5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

- BKS do ĐHĐCĐ bầu, các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên.
- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 36 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III
QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 6. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

BKS có các nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 36 Điều lệ Công ty, chủ yếu là các quyền hạn và nghĩa vụ sau:

6.1 Nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

- BKS thực hiện giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của Hệ thống KSNB, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- Xem xét sổ sách kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán;
- Xem xét Thư quản lý của kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Xem xét báo cáo kiểm toán của kiểm toán nội bộ, đơn vị tư vấn về hệ thống KSNB, quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp;
- Đề xuất với ĐHĐCĐ Công ty khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích, hoặc kỷ luật đối với những tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm kỷ luật làm thiệt hai đến quyền lợi hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty;

6.2. Quyền của Ban Kiểm soát

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty;
- BKS có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao; Công ty có trách nhiệm ký Hợp đồng và thanh toán chi phí với tư vấn độc lập do BKS chỉ định để phục vụ công việc theo nhiệm vụ của BKS
- Được cung cấp tài liệu, thông tin cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;

- Được HĐQT và Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát;
- Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra; được quyền yêu cầu lãnh đạo các phòng ban chức năng, các đơn vị thành viên của Công ty cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của công tác kiểm soát.
- Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc;
- Tham khảo ý kiến các thành viên HĐQT về hoạt động của BKS cũng như nội dung báo cáo của BKS trước khi trình ĐHĐCĐ;
- Trường hợp phát hiện ra các vi phạm về tài chính của các chức danh do ĐHĐCĐ hay HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, BKS có quyền kiến nghị với người có thẩm quyền xử lý ra quyết định kỷ luật, bãi miễn, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các cá nhân vi phạm;
- Đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ trong một số trường hợp theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Điều 7. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng tốt nhất nhằm đảo bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Trưởng BKS, ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty do mình thực hiện. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý với những sai phạm sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm;

3. Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập họp BKS bất thường khi xét thấy cần thiết;

4. Kiểm soát viên tham dự đầy đủ các cuộc họp của BKS, tham gia ý kiến đầy đủ, cụ thể về nội dung họp thảo luận. Trong trường hợp Kiểm soát viên vắng mặt phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung cần thảo luận thông qua;

5. Kiểm soát viên được Trưởng BKS phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ, sau khi kết thúc quá trình làm việc có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng BKS;

6. Tham dự các phiên họp mở rộng của HĐQT và các cuộc họp khác, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

7. Kiểm soát viên báo cáo định kỳ và khi có yêu cầu về các nội dung công việc được phân công, tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Điều 8: Trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát để trình ĐHĐCĐ thông qua;

2. Lập chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ và phân công tổ chức thực hiện;

3. Triệu tập, chuẩn bị chương trình nội dung các cuộc họp của BKS;

4. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

5. Thay mặt BKS ký các văn bản, báo cáo thuộc thẩm quyền của BKS trên cơ sở nội dung đã được các thành viên BKS thông qua;

6. Trường hợp Trưởng BKS đi vắng thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong BKS để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Trưởng BKS.

7. Giám sát các thành viên BKS trong thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn chung;

8. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo BKS.

CHƯƠNG IV
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát

1. Mục tiêu của BKS thực hiện giám sát một cách hệ thống và có nguyên tắc đối với hoạt động quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của tổ chức.

2. BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, để thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế Ban Kiểm soát

3. BKS sẽ thực hiện các hoạt động của mình tuân theo các giá trị và quy tắc đạo đức của tổ chức, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật

4. Đảm bảo tính độc lập, khách quan, bảo mật thông tin và thận trọng nghề nghiệp

5. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nếu xét thấy cần thiết phải tiến hành kiểm tra trực tiếp tại Công ty thì các Kiểm soát viên đề xuất với Trưởng BKS những vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trưởng BKS chủ trì việc kiểm tra và thông báo bằng văn bản tới HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty và đơn vị được kiểm tra. Nếu những vụ việc kiểm tra mang tính phức tạp và diện rộng, Trưởng BKS đề xuất với HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty huy động thêm một số cán bộ có năng lực, phẩm chất của các phòng, ban Công ty cùng tham gia, hoặc sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 10. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. BKS họp ít nhất 6 tháng một lần, đối với những vấn đề không yêu cầu tổ chức họp để thảo luận thì Trưởng BKS có thể lấy ý kiến các Kiểm soát viên bằng văn bản hoặc thông qua phương tiện thông tin điện tử, thời hạn tối đa để các Kiểm soát viên cho ý kiến là 05 ngày làm việc.

2. Cuộc họp BKS được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số Kiểm soát viên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong thời gian hợp lý theo quyết định của Trưởng BKS. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có hơn ½ số Kiểm soát viên dự họp.

3. Biểu quyết thông qua cuộc họp:

- Mỗi kiểm soát viên tham dự cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết. Nếu kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một kiểm soát viên (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.
- Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra, sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- Biểu quyết đa số: Quyết định của BKS được thông qua nếu được trên 50% số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc kiểm soát viên được Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt).
- Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.
- Biên bản cuộc họp: Biên bản cuộc họp BKS phải có những nội dung cơ bản sau:

  + Ngày, tháng, năm họp, giờ bắt đầu, giờ kết thúc;

  + Ghi rõ cuộc họp định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp;

  + Thành phần tham dự họp/ những người vắng mặt;

  + Những nội dung được đưa ra trao đổi;

  + Kết luận từng vấn đề.

Biên bản họp của BKS phải được thông qua ngay sau cuộc họp và có chữ ký của các thành viên dự họp. Biên bản họp BKS phải được tất cả các thành viên BKS tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng BKS hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp;

Trưởng BKS quản lý Biên bản cuộc họp và chỉ cung cấp cho thành viên BKS, HĐQT, Tổng Giám đốc, ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG V. QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT, CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC PHÒNG, BAN TRONG CÔNG TY

Điều 11. Quan hệ với cổ đông, HĐQT, Ban điều hành và các phòng, ban trong Công ty

1. Đối với cổ đông: BKS và các Kiểm soát viên phải luôn coi trọng lợi ích của Cổ đông, chịu trách nhiệm trước Cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty. BKS có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tại mỗi cuộc họp thường niên, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của ĐHĐCĐ, hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đối với HĐQT:

- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong quá trình hoạt động. Theo dõi việc chỉ đạo của HĐQT trong việc chấn chỉnh và xử lý sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra. Tham mưu cho HĐQT Công ty về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập hoặc đề xuất việc thuê chuyên gia. Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết quả và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- Được mời tham dự các phiên họp của HĐQT, được chất vấn các thành viên HĐQT, được tham gia ý kiến nhưng không được biểu quyết, nếu có ý khác với Nghị quyết, Quyết định của HĐQT thì có quyền trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ trong phiên họp gần nhất.

3. Đối với Tổng Giám đốc, bộ phận, phòng ban chức năng

- Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình; Có trách nhiệm thực hiện theo kiến nghị của BKS hoặc báo cáo với HĐQT những điểm không thống nhất với kiến nghị của BKS. Kịp thời thông báo cho BKS những yếu kém, rủi ro, thất thoát, gian lận lớn về tài sản hoặc khi có thay đổi trong hệ thống KSNB tại đơn vị
- Ban Kiểm soát được sử dụng bộ phận kiểm toán nội bộ để thực thi nhiệm vụ
- Tổng Giám đốc, Trưởng các bộ phận có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu, phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của BKS và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

4. Trong quá trình kiểm tra, giám sát, BKS phải thông báo trước kế hoạch làm việc nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Kiểm soát viên không cạn thiệp vào những công việc ngoài phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của minh.

CHƯƠNG VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ LỢI ÍCH CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Khen thưởng, kỷ luật, thù lao và lợi ích khác của Ban kiểm soát

1. BKS, kiểm soát viên được xét khen thưởng theo quy định chung và quy định của Công ty.

2. Kiểm soát viên không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu trung thực, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do mình gây ra. Tùy vào mức độ vi phạm, kiểm soát viên có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. ĐHĐCĐ quyết định mức lương, thù lao và chi phí hoạt động của BKS. Mọi chi phí hoạt động của BKS được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty theo quy định. Tổng số lương, thù lao và các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng Kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

4. Kiểm soát viên có thể được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Bổ sung sửa đổi và hiệu lực thi hành

1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày

2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …. Quy chế này sẽ thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vinaconex P&C được ban hành theo Quyết định số 01/2016/QĐ-BKS ngày 30/10/2016

3. Những nội dung khác về tổ chức, hoạt động, chế độ làm việc của BKS, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, thì được thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản khác của Công ty.

4. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

5. Trong trường hợp có sự thay đổi các quy định của Điều lệ Công ty liên quan đến BKS thì Quy chế này phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ Công ty.

6. Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung quy chế được phản ánh bằng văn bản về BKS để BKS xem xét sửa đổi. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do BKS soạn thảo và trình ĐHĐCĐ quyết định.

T/M BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban Kiểm soát

M.S.D.N: 2800799804 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đinh Thị Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11 /2021/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu VCP từ Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("Nghị định 155");*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP ("Công ty" hoặc "Tổ chức phát hành");*
- *Tình hình thực tế;*

Hội đồng quản trị Công ty VCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch chuyển sàn giao dịch cổ phiếu VCP từ sàn giao dịch Upcom sang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), cụ thể như sau:

1. Huỷ đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (Mã chứng khoán: VCP) tại Sàn giao dịch Upcom và chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại HOSE.

   Thông tin về cổ phiếu chuyển sàn như sau:

   - Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP
   - Mã chứng khoán : VCP
   - Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
   - Số lượng cổ phiếu niêm yết : Toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm chuyển sàn

- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu *(Mười nghìn đồng/cổ phiếu)*
- Thời gian thực hiện dự kiến : Năm 2021 - 2022

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lựa chọn thời điểm cụ thể để chuyển sàn niêm yết cổ phiếu của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế thị trường chứng khoán và phù hợp với tình hình Công ty;
- Toàn quyền quyết định, triển khai thực hiện các công việc, thủ tục và ký tất cả các tài liệu cần thiết liên quan đến việc chuyển sàn niêm yết nêu trên phù hợp với yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) và tuân thủ quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT, HĐQT, TCKT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 2800799804-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12 /2021/TTr-HĐQT	-----ꕥ✧ꕥ-----
	Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021.

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VCP P&C;*
- *Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2020; Nghị quyết và Biên bản đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 15/05/2020 của Công ty cổ phần VCP P&C;*
- *Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam thực hiện kiểm toán.*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VCP P&C xin báo cáo và kính trình Quý vị cổ đông xem xét, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2020 của Công ty như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là: **105.274.573.742 đồng**.

+ Đã thực hiện chi Phụ cấp HĐQT và BKS năm 2020 theo Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông ngày 15/05/2020 là: **1.935.000.000 đồng**.

- Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức, chi thưởng và phân phối các quỹ: **103.339.573.742 đồng.** Hội đồng quản trị Công ty đề xuất:

+ Chia cổ tức năm 2020 là 15% bằng cổ phiếu tương đương với **1.500 đồng/CP** *(15% vốn Điều lệ 569.999.930.000 đồng)* số tiền: **85.499.989.500 đồng**.

+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: **2.105.491.475 đồng** tương đương với 2% lợi nhuận sau thuế năm 2020.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại năm 2020 là: **15.734.092.767 đồng**

Công ty Cổ phần VCP P&C kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

VŨ NGỌC TÚ

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu VT*

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C ------o0o------ Số: 13 /2021/TT-HĐQT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** ----------o0o----------

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VCP P&C;

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2020;

- Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam thực hiện kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng và năng lượng VCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, cụ thể như sau:

1. **Phê duyệt thực hiện chi trả cổ tức năm 2020:**

- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 15% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách sẽ được nhận cổ tức là 15 cổ phiếu mới phát hành thêm);
- Hình thức chi trả: Bằng cổ phiếu;
- Thời gian dự kiến: Quý IV năm 2021.

2. **Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2020, cụ thể như sau:**

▪ Tên cổ phiếu phát hành	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP
▪ Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
▪ Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu
▪ Đối tượng phát hành	:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt

		Nam (VSD) cấp theo quy định.
▪ Tỷ lệ	:	15%, tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:15 (Tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách sẽ được nhận cổ tức là 15 cổ phiếu mới phát hành thêm).
▪ Vốn điều lệ hiện tại	:	569.999.930.000 đồng (Năm trăm sáu mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng)
▪ Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	56.999.993 cổ phiếu
▪ Số lượng cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phiếu
▪ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	56.999.993 cổ phiếu
▪ Số lượng phát hành dự kiến	:	8.549.998 cổ phiếu
▪ Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá)	:	85.499.989.500 đồng
▪ Nguồn vốn thực hiện	:	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty (căn cứ số liệu tại BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty mẹ).
▪ Phương thức thực hiện	:	Quyền nhận cổ phiếu để trả cổ tức không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành này. Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền.
▪ Thời gian phát hành	:	Quý IV năm 2021, sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
▪ Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ	:	Số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức mỗi cổ đông nhận được sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ không thực hiện và số vốn điều lệ mới được đăng ký trên số cổ phần thực tế phân phối được. Ví dụ: Với tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 15%, cổ đông A hiện đang sở hữu 1.234 cổ phần của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu sẽ nhận được cổ tức là 185,1 cổ phiếu mới, tuy nhiên do làm tròn xuống đến hàng đơn vị nên thực tế cổ đông A sẽ chỉ nhận được 185 cổ

		phiếu mới và 0,1 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.
▪ Lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung/niêm yết bổ sung	:	Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) hoặc niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật.

3. Thông qua việc giao nhiệm vụ và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty triển khai thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 bao gồm và không giới hạn:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thiện bộ hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định thời điểm thực hiện cụ thể và các nội dung có liên quan theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, hiệu quả;
- Lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật;
- Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ, cổ phần mới theo kết quả thực tế phát hành, thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD, đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) hoặc niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam đối với số cổ phiếu phát hành thêm theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phát hành.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
M.S.D.N: 2800779480 - C.T.C.P
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, TCKT.

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14 /2021/TT-HĐQT	-----ꕥ✧ꕥ-----

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021.

TỜ TRÌNH

V/v: Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát Công ty năm 2021.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;*
- *Căn cứ quyết định số 27A/2019/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2019 về việc sửa đổi một số điều tại quy chế tiền lương, tiền thưởng của CBCNV Công ty;*
- *Căn cứ kế hoạch SXKD năm tài chính 2020 của Công ty cổ phần VCP P&C.*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP báo cáo thực hiện chi thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2020, chi tiết tại bảng sau:

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Đã chi trả năm 2020	
		CP hoạt động	LN sau thuế
1	Hội đồng quản trị	795.000	1.335.000
2	Ban Kiểm soát	180.000	600.000
	Cộng	**975.000**	**1.935.000**

- Đề xuất mức thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2021:

STT	Nội dung	Số tiền/tháng
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	5.000.000 đồng
2	Phó Chủ tịch HĐQT	4.000.000 đồng
3	Thành viên HĐQT	4.000.000 đồng
4	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000 đồng
5	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000 đồng

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VCP P&C kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận :
- *Như kính gửi;*
- *Lưu HĐQT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15 /2021/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua việc ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;*
- *Căn cứ Kết quả thẩm tra công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.*

Để phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính của Công ty trong năm 2021, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định và chuẩn mực hiện hành của Nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích cho các cổ đông, Ban Kiểm soát đề nghị Công ty thuê một đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện, uy tín để thực hiện Báo cáo tài chính năm 2021.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn bổ nhiệm Công ty kiểm toán có đủ uy tín, năng lực, điều kiện và giá cả phù hợp có thể đáp ứng được yêu cầu thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 cho Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 2800799800 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đinh Thị Hạnh

Nơi nhận :

- *Như kính gửi ;*
- *HĐQT;*
- *Lưu.*

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	-----ꕥ✧ꕥ-----
Số: 16 /2021/TTr - HĐQT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021.*

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần VCP P&C, nhiệm kỳ 2019-2024

***Kính gửi*: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VCP P&C**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;
- Căn cứ đơn xin từ nhiệm của ông Phạm Bảo Long – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
- Căn cứ đơn xin từ nhiệm của bà Nghiêm Quỳnh Chi – Thành viên Ban kiểm soát Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (Viết tắt: Công ty cổ phần VCP P&C) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024 như sau:

I. Sự cần thiết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024:

1. Về cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty:

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019-2020 gồm **05 thành viên**:

1. Ông Vũ Ngọc Tú
2. Ông Phạm Văn Minh
3. Ông Phạm Bảo Long
4. Ông Trịnh Nguyên Khánh
5. Ông Trịnh Quốc Bình

Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2020 gồm **03 thành viên**:

1. Bà Đinh Thị Hạnh
2. Bà Nghiêm Quỳnh Chi
3. Ông Nguyễn Hồ Ngọc

Tuy nhiên, đến ngày 14/12/2020 và ngày 01/3/2021 Công ty cổ phần VCP P&C đã nhận được đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Phạm Bảo Long và đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của bà Nghiêm Thị Quỳnh Chi vì lý do cá nhân.

Khoản 1.b – Điều 160 và Khoản 1.b – Điều 174 Luật doanh nghiệp quy định: Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong trường hợp "Có đơn từ chức và được chấp thuận".

Như vậy, sau khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận đơn xin từ nhiệm của ông Phạm Bảo Long và bà Nghiêm Quỳnh Chi, Hội đồng quản trị Công ty **chỉ còn 04 thành viên**, Ban kiểm soát Công ty **chỉ còn 02 thành viên**.

II. Đề xuất, Kiến nghị:

Để đảm bảo hoạt động quản trị, điều hành của Công ty, ngày 14/12/2020 và ngày 05/3/2021 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã tổ chức họp để thông qua đơn từ nhiệm của

ông Phạm Bảo Long, bà Nghiêm Quỳnh Chi và thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định các nội dung sau:

1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Bảo Long;
2. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với bà Nghiêm Quỳnh Chi;
3. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024:

3.1. Về số lượng cần bầu cử bổ sung:

- Thông qua số lượng bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024 là: **01 vị trí**
- Thông qua số lượng bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024 là: **01 vị trí**

3.2. Về cơ cấu: Theo sự ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông có quyền ứng cử/đề cử quy định tại Khoản 2 - Điều 24 và Khoản 2 - Điều 35 Điều lệ Công ty hoặc Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử quy định tại Khoản 3 - Điều 24 và Khoản 3 - Điều 35 Điều lệ Công ty và được Đại hội đồng cổ đông bầu tại Đại hội.

3.3. Phương thức bầu cử: việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc, bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

(Kèm theo Tờ trình này là Hướng dẫn ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024)

Xin trân trọng cảm ơn!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N: 2800799804 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Ngọc Tú

Nơi nhận:
- Như kính gửi.
- Lưu TCHC, HĐQT, TLĐH.

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	-----ꕥ✧ꕥ-----
Số: 17 /2021/HD-HĐQT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021.*

HƯỚNG DẪN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C, NHIỆM KỲ 2019 - 2024

***Kính gửi*:** **Quý Cổ đông Công ty cổ phần VCP P&C**

Theo kế hoạch, ngày 22/4/2021, Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (Viết tắt: Công ty cổ phần VCP P&C) sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Một trong các nội dung quan trọng của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền ứng cử/đề cử ứng viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024.

Để Quý cổ đông có thể thực hiện tốt quyền ứng cử, đề cử của mình, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VCP P&C xin trân trọng gửi tới các cổ đông Bản hướng dẫn ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 với các nội dungsau:

1. **Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị *(theo điều 155 Luật doanh nghiệp 2020):***

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác;

b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liên trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con

nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liên trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

2. **Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát** ***(theo điều 169 Luật doanh nghiệp năm 2020):***

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp.
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

3. **Đề cử, ứng cử viên Hội đồng quản trị** ***(Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020, Khoản 2 - Điều 24 Điều lệ Công ty):***

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử các ứng viên vào HĐQT, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên hoặc toàn bộ số ứng cử viên nếu cơ cấu Hội đồng quản trị có nhiều hơn 9 thành viên.

4. **Đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát *(Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020, Khoản 2 - Điều 35 Điều lệ Công ty):***

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử các ứng viên vào BKS, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên

5. **Hồ sơ ứng cử, đề cử:**

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tỷ lệ như quy định tại Mục 3 và Mục 4 nêu trên khi ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cần gửi về Công ty bằng hình thức gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện các Hồ sơ sau:

(i) Bản gốc Giấy ứng cử/đề cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

(ii) Sơ yếu lý lịch của người ứng cử hoặc được đề cử theo mẫu; và

(iii) Tài liệu chứng minh số cổ phần và thời gian nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ ngày 26/3/2021.

Trường hợp là nhóm cổ đông đề cử thì văn bản đề cử phải có chữ ký của tất cả các cổ đông tham gia nhóm cổ đông đề cử, hoặc có văn bản ủy quyền (có công chứng/chứng thực) của nhóm cổ đông cho một cổ đông đại diện Nhóm thực hiện quyền đề cử.

<u>Ghi chú:</u>

- Để thuận tiện trong công tác tổ chức và chuẩn bị tài liệu bầu cử, Công ty trân trọng đề nghị các cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện ứng cử/đề cử fax Giấy ứng cử hoặc đề cử và Sơ yếu lý lịch của người được ứng cử/đề cử về Công ty trước ngày 20/4/2020. Bản gốc Hồ sơ ứng cử, đề cử và sơ yếu lý lịch của người ứng cử hoặc được đề cử (trong trường hợp

chưa gửi về Công ty bằng hình thức gửi trực tiếp hoặc qua đường ưu điện) cổ đông/nhóm cổ đông gửi cho Ban Tổ chức khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội vào ngày 22/4/2021.

Địa chỉ liên hệ:

Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Người liên lạc: Ông Nguyễn Thanh Phương- GĐ Ban Tổ chức - Hành chính

Điện thoại: 024 62699988 (ML 112) /DĐ: 0904 321928

Fax: 024 62699977

Email: phuongnguyen1979.vcp@gmail.com

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nộp bản gốc Giấy ứng cử/đề cử (kèm sơ yếu lý lịch của người ứng cử/được đề cử và Tài liệu chứng minh cổ phần, thời gian nắm giữ cổ phần) cho Công ty trước khi diễn ra Đại hội, việc ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông không đúng quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty thì việc ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông sẽ không có giá trị tại Đại hội.

Trân trọng!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 2800799004-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

VŨ NGỌC TÚ

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban kiểm soát (để biết);
- Lưu VT, HĐQT, TLĐH.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----ꕥ✧ꕥ-----

GIẤY ĐỀ CỬ

Ứng viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VCP P&C
(Nhiệm kỳ 2019 - 2024)

Kính gửi: **Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VCP P&C**

Tên cổ đông.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ/đại diện:.....cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Đồng ý đề cử

Ông/Bà.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ thường trú:.....

Làm ứng viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần VCP P&C (Nhiệm kỳ 2019 - 2024) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần VCP P&C ngày 22/4/2021.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2021.

Cổ đông đề cử
(Ký và ghi rõ họ tên - đóng dấu nếu là pháp nhân)

Tài liệu kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của Ứng viên Hội đồng quản trị.
2. Tài liệu chứng minh số lượng cổ phần sở hữu và thời hạn nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày 26/3/2021.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----ꕥ✧ꕥ-----

GIẤY ĐỀ CỬ

Ứng viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần VCP P&C
(Nhiệm kỳ 2019 - 2024)

Kính gửi: **Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VCP P&C**

Tên cổ đông.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ/đại diện:.....cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Đồng ý đề cử

Ông/Bà.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ thường trú:.....

Làm ứng viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần VCP P&C (Nhiệm kỳ 2019 - 2024) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần VCP P&C ngày 22/4/2021.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2021.

Cổ đông đề cử
(Ký và ghi rõ họ tên - đóng dấu nếu là pháp nhân)

Tài liệu kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của Ứng viên Ban kiểm soát.
2. Tài liệu chứng minh số lượng cổ phần sở hữu và thời hạn nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày 26/3/2021.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỨNG CỬ

Ứng viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VCP P&C
(Nhiệm kỳ 2019 - 2024)

Kính gửi: **Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VCP P&C**

Tên cổ đông.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ:.....cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Ứng cử làm ứng viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần VCP P&C (Nhiệm kỳ 2019 - 2024) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần VCP P&C ngày 22/4/2021.

Tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2021.

Cổ đông ứng cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tài liệu kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của Ứng viên Hội đồng quản trị.
2. Tài liệu chứng minh số lượng cổ phần sở hữu và thời hạn nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày 26/3/2021.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----ꕥ✧ꕥ-----

GIẤY ỨNG CỬ

Ứng viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần VCP P&C
(Nhiệm kỳ 2019 - 2024)

<u>Kính gửi:</u> **Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VCP P&C**

Tên cổ đông.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ:.....cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

ứng cử làm ứng viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần VCP P&C (Nhiệm kỳ 2019 - 2024) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần VCP P&C ngày 22/4/2021.

Tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2021.

Cổ đông ứng cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

<u>Tài liệu kèm theo:</u>

1. Sơ yếu lý lịch của Ứng viên Ban kiểm soát.
2. Tài liệu chứng minh số lượng cổ phần sở hữu và thời hạn nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày 26/3/2021.

Ảnh 4x6
(đóng dấu giáp lai)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người tự ứng cử/được đề cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty cổ phần VCP P&C nhiệm kỳ 2019 - 2024)

1. Họ và tên: .....
2. Giới tính: .....
3. Số CMTND/Hộ chiếu:.....ngày cấp.....nơi cấp.....
4. Ngày tháng năm sinh: .....
5. Nơi sinh: .....
6. Quốc tịch: .....
7. Dân tộc: .....
8. Nguyên quán: .....
9. Hộ khẩu thường trú: .....
10. Nơi ở hiện nay: .....
11. Số điện thoại liên lạc: .....
12. Trình độ văn hóa: .....
13. Trình độ chuyên môn: .....
14. Trình độ ngoại ngữ: .....
15. Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian công tác, đơn vị công tác, chức vụ nghề nghiệp):
    + Từ.....đến.....
    + Từ.....đến.....
16. Chức vụ hiện nay: .....
    .....
17. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác (nếu có): .....
    .....
18. Số cổ phần đang sở hữu hoặc đại diện tại Công ty cổ phần VCP P&C: ..... cổ phần, trong đó:
    - Số cổ phần được ủy quyền đại diện: .....cổ phần
    - Số cổ phần sở hữu cá nhân: .....cổ phần
19. Hành vi vi phạm pháp luật: .....
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty cổ phần VCP P&C:.....

Tôi cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VCP P&C và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền *(Xác nhận chính quyền địa phương hoặc cơ quan cá nhân đang làm việc)*	*....., ngày.....tháng..... năm 2021* **Người khai** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	-----ꕥ✧ꕥ-----

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021.

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C NHIỆM KỲ 2019-2024

==========

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần VCP P&C tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cho thời gian lại của nhiệm kỳ 2019-2024 theo các nội dung dưới đây:

ĐIỀU 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/3/2021).

ĐIỀU 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

2.1 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT *(theo khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp, Điều 24 Điều lệ Công ty):*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác;

2.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát *(theo điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều 36 Điều lệ Công ty):*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của

doanh nghiệp;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp.

<u>ĐIỀU 3:</u> Đề cử ứng cử ứng viên HĐQT, BKS và số thành viên được bầu bổ sung

3.1 Đề cử ứng cử ứng viên HĐQT *(Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020, Khoản 2 - Điều 24 Điều lệ Công ty)*

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử các ứng viên vào HĐQT, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên hoặc toàn bộ số ứng cử viên nếu cơ cấu Hội đồng quản trị có nhiều hơn 9 thành viên.

b. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

3.2 Đề cử ứng cử ứng viên BKS *(Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020, Khoản 2 -*

Điều 35 Điều lệ Công ty)

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử các ứng viên vào BKS, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3.2 Số lượng thành viên HĐQT và BKS được bầu bổ sung:

a. Số lượng thành viên HĐQT được bầu:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 gồm 05 thành viên. Số lượng thành viên HĐQT Công ty hiện còn: 04 thành viên.
- Như vậy, số lượng bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024 là 01 thành viên.

b. Số lượng thành viên BKS được bầu:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024 gồm 03 thành viên. Số lượng thành viên BKS Công ty hiện còn: 02 thành viên.
- Như vậy, số lượng bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024 là 01 thành viên.

<u>ĐIỀU 4:</u> Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

4.1 Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS:

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

4.2 Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu HĐQT, BKS theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban bầu cử đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông tiến hành bầu tối đa cho số lượng thành viên HĐQT và BKS được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

ĐIỀU 5: Phương thức bầu cử ***(Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều 20.2 Điều lệ)***

5.1 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

5.2 Mỗi cổ đông có tổng số quyền bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS được Đại hội cổ đông thông qua;

5.3 Cổ đông chọn một trong hai phương pháp sau đây để bầu thành viên HĐQT/BKS:

- Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu: cổ đông chỉ cần tích dấu (x) vào ô trống của từng ứng cử viên mà mình bầu. Số phiếu bầu của từng ứng cử viên được chọn là kết quả chia đều của Tổng số quyền bầu của cổ đông chia cho số ứng cử viên được lựa chọn.
- Bầu cử bằng phương pháp ghi số cổ phần cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn: cổ đông ghi trực tiếp số quyền bầu vào ô trống của số ứng cử viên mà mình lựa chọn. Số quyền bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên. Tổng số quyền biểu quyết cổ đông bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số quyền bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

Ghi chú:

❖ Cổ đông chỉ lựa chọn một trong hai phương pháp để thực hiện bầu HĐQT/BKS. Nếu cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện đồng thời cả hai phương pháp nêu trên thì phiếu bầu của cổ đông/đại diện cổ đông là **không hợp lệ**.

❖ Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ *(có giấy uỷ quyền)*, người được ủy quyền (đại diện cổ đông) có đầy đủ quyền biểu quyết.

ĐIỀU 6: Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

6.1. Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;

6.2. Phiếu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

6.3. Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

6.4. Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

6.5. Phiếu bầu quá số lượng thành viên HĐQT/BKS đã được Đại hội thông qua.

6.6. Cổ đông sử dụng cả hai phương pháp bầu.

6.7. Phiếu bầu không ghi các thông tin về cổ đông.

ĐIỀU 7: Ban Bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

7.1. Ban Bầu cử

a. Ban Bầu cử do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Ban Bầu cử có trách nhiệm:

- Hướng dẫn cổ đông quy trình bầu cử, cách thức bỏ phiếu;
- Phát phiếu bầu;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

c. Thành viên Ban Bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào

HĐQT, BKS;

7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Ban Bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Bầu cử công bố trước Đại hội.

<u>ĐIỀU 8</u>: Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS *(Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp)*

8.1. Người trúng cử thành viên HĐQT/BKS được xác định theo số quyền biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT và số lượng thành viên BKS được ĐHĐCĐ phê duyệt .

8.2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

<u>ĐIỀU 9</u>: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

9.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT và BKS;

9.2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

<u>ĐIỀU 10</u>: Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ toạ cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này gồm có 10 điều, được đọc công khai và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI

Chủ tịch HĐQT

M.S.D.N: 2800799804 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vũ Ngọc Tú

PHỤ LỤC 1

HƯỚNG DẪN

BẦU DỒN PHIẾU ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua số lượng bầu sổ sung thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT") là 3 thành viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (*bao gồm sở hữu và được ủy quyền*) 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là:

(1.000.000 x 3) = 3.000.000 quyền bầu.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu cho các ứng cử viên theo một trong hai phương pháp sau:

1. **Phương pháp thứ nhất**: Cổ đông Nguyễn Văn A chia 3.000.000 quyền biểu quyết của mình cho từ 2 đến 3 ứng cử viên HĐQT bằng cách đánh dấu vào ô trống dành cho mỗi ứng cử viên trên phiếu bầu. Trong trường hợp này, cổ đông Nguyễn Văn A đã chia đều tổng số quyền biểu quyết của mình cho số ứng cử viên Hội đồng quản trị mà cổ đông Nguyễn Văn A đã lựa chọn.
2. **Phương pháp thứ hai:** Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết 3.000.000 quyền biểu quyết của mình cho 01 hoặc một số ứng cử viên HĐQT. Tối đa là 03 ứng cử viên và tổng số là 3.000.000 quyền biểu quyết.

Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

a. Phiếu bầu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu treo của Công ty trên Phiếu bầu.

b. Tổng quyền biểu quyết cho những ứng cử viên đó của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 3.000.000 quyền biểu quyết.

c. Số ứng viên HĐQT cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu vượt quá 3 người.

d. Phiếu bầu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên HĐQT đã được ĐHCĐ thông qua.

e. Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông Nguyễn Văn A.

f. Cổ đông Nguyễn Văn A thực hiện đồng thời cả hai phương pháp bầu.

g. Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua.

(Việc bầu thành viên BKS được thực hiện tương tự như bầu thành viên HĐQT)

CÔNG TY CỔ PHẦN VCP P&C	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----------	**Độc lập — Tự do — Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-ĐHĐCĐ	Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2021

(DỰ THẢO) NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;
- Căn cứ Biên bản họp số 01/2021/BB-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty theo Báo cáo số 47/2021/BC-BĐH ngày 31/3/2021 của Ban Tổng giám đốc Công ty, với các nội dung chính như sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020:

Bảng 1: Bảng Kết quả sản lượng, doanh thu phát điện hệ toàn thống VCP năm 2020

Stt	Tên nhà máy thủy điện	Công suất phát điện (MW)	Sản lượng điện (Kwh)	Doanh thu bán điện (đồng)
1	Cửa Đạt	97	311.609.564	218.746.453.849
2	Xuân Minh	15	49.394.974	63.227.397.105
3	Bái Thượng	6	18.431.645	21.919.636.452
4	Nậm La	27	79.288.670	102.126.906.786
5	Tắt ngoẵng	7	18.096.048	21.742.154.601
	Cộng	**152**	**476.820.901**	**427.762.548.793**

Bảng 2: Bảng kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty VCP P&C

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch năm 2020 (điều chỉnh)	Thực hiện năm 2020	Tỉ lệ TH/KH điều chỉnh (%)
1	Sản lượng điện (KWH)	417.589.022	306.940.000	311.609.564	101,52
2	Doanh thu và thu nhập	493.303.556.449	319.561.000.000	358.855.987.627	112,30
	Doanh thu bán điện	*352.751.156.449*	*214.973.000.000*	*218.746.453.849*	*101,76*

	Doanh thu hoạt động và TN khác	*140.552.400.000*	*104.587.342.934*	*140.109.533.778*	*133,96*
3	Tổng chi phí	296.277.619.446	211.211.000.000	248.174.027.931	117,50
4	LN trước thuế	197.025.937.003	108.350.000.000	110.681.959.696	102,15
5	Thuế TNDN	10.690.114.850	5.586.000.000	5.407.385.954	96,80
6	Lợi nhuận sau thuế	186.335.822.153	102.764.000.000	105.274.573.742	102,44

Bảng 3: Bảng kết quả đầu tư, góp vốn, mua cổ phần và phần vốn góp tại các Doanh nghiệp năm 2021

Số tt	Tên Công ty/dự án	Số tiền (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP thủy điện Nậm La	500.000.011.080	82,71
2	CT TNHH thủy điện Đakro Baye	178.000.000.000	100
3	CT TNHH thủy điện Đaklo 4	181.000.000.000	100
4	CT TNHH MTV NM thủy điện Thác Ba	266.000.000.000	100
	Cộng	**1.125.000.011.080**	

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Bảng 1: Bảng chỉ tiêu kế hoạch phát điện toàn hệ thống VCP năm 2021

Stt	Tên nhà máy thủy điện	Công suất phát điện (MW)	Thực hiện năm 2020		Kế hoạch năm 2021		Tỷ lệ (%)	
			SL điện (Kwh)	Doanh thu bán điện (đồng)	SL điện (Kwh)	Doanh thu bán điện (đồng)	SL 2021/ 2020	DT 2021/ 2020
1	Cửa Đạt	97	311.609.564	218.746.453.849	455.767.000	349.756.018.400	146,26	159,89
2	Xuân Minh	15	49.394.974	63.227.397.105	68.745.455	77.987.952.667	139,17	123,34
3	Bái Thượng	6	18.431.645	21.919.636.452	27.733.143	29.521.704.864	150,47	134,68
4	Nậm La	27	79.288.670	102.126.906.786	106.000.000	120.652.600.000	133,69	118,14
5	Tắt ngoẵng	7	18.096.048	21.742.154.601	18.650.000	22.474.840.000	103,06	103,36
	Cộng	152	476.820.901	427.762.548.793	767.895.598	600.393.115.931		

Bảng 2: Bảng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 Công ty cổ phần VCP P&C

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ KH 2021/TH 2020 (%)
1	Sản lượng điện (KWH)	311.609.564	455.767.000	146,26
2	Doanh thu và thu nhập	358.855.987.627	551.530.911.788	153,69
	Trong đó: DT bán điện	*218.746.453.849*	*349.756.018.400*	*159,89*
	DT khác và thu nhập khác	*140.109.533.778*	*201.774.893.388*	*144,01*

3	Tổng chi phí	248.174.027.931	457.045.223.873	184,16
4	Lợi nhuận trước thuế	110.681.959.696	94.485.687.915	85,37
	Trong đó: LN từ bán điện	110.110.390.658	84.483.041.275	76,73
	LN từ hoạt động khác	571.569.038	10.002.646.640	
5	Thuế TNDN	5.407.385.954	6.224.681.392	115,11
6	LN sau thuế	105.274.573.742	88.261.006.524	83,84
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	15	15	100

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021, trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động trong năm 2021.

Điều 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 theo Báo cáo số 06/2021/BC-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 3: Thông qua báo cáo hoạt động và kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát năm 2020; Kế hoạch công tác của Ban kiểm soát năm 2021 theo Báo cáo số 07/2021/BC-BKS ngày 31/03/2021 của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán.

Điều 5: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Điều 6: Thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2020 theo Tờ trình số 12/2021/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là: **105.274.573.742 đồng**.

+ Đã thực hiện chi Phụ cấp HĐQT và BKS năm 2020 theo Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông ngày 15/05/2020 là: **1.935.000.000 đồng**.

- Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức, chi thưởng và phân phối các quỹ: **103.339.573.742 đồng**. Trong đó:

+ Chia cổ tức năm 2020 là 15% tương đương với **1.500 đồng/CP** (*15% vốn Điều lệ 569.999.930.000 đồng*) số tiền: **85.499.989.500 đồng**.

+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: **2.105.491.475 đồng** tương đương với 2% lợi nhuận sau thuế năm 2020.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại năm 2020 là: **15.734.092.767 đồng.**

Điều 7: Thông qua Phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu theo Tờ trình số 13/2021/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty triển khai thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 bao gồm và không giới hạn:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thiện bộ hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định thời điểm thực hiện cụ thể và các nội dung có liên quan theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, hiệu quả;
- Lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức

sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật;

- Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ, cổ phần mới theo kết quả thực tế phát hành, thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD, đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) hoặc niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam đối với số cổ phiếu phát hành thêm theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Thông qua kết quả thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và phương án trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

8.1. Kết quả thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020:

STT	Nội dung	Đã chi trả năm 2020	
		CP hoạt động	LN sau thuế
1	Hội đồng quản trị	795.000	1.335.000
2	Ban Kiểm soát	180.000	600.000
	Cộng	**975.000**	**1.935.000**

8.2. Phương án trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021

STT	Nội dung	Số tiền/tháng
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	5.000.000 đồng
2	Phó Chủ tịch HĐQT	4.000.000 đồng
3	Thành viên HĐQT	4.000.000 đồng
4	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000 đồng
5	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000 đồng

Điều 9: Thông qua kế hoạch chuyển sàn giao dịch cổ phiếu VCP từ sàn giao dịch Upcom sang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) theo Tờ trình số 11/2021/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

Thời gian thực hiện dự kiến: Năm 2021 – 2022

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lựa chọn thời điểm cụ thể để chuyển sàn niêm yết cổ phiếu của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế thị trường chứng khoán và phù hợp với tình hình Công ty;
- Toàn quyền quyết định, triển khai thực hiện các công việc, thủ tục và ký tất cả các tài liệu cần thiết liên quan đến việc chuyển sàn niêm yết nêu trên phù hợp với yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 10: Thông qua toàn văn nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP theo Tờ trình số 08/2021/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 11: Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP theo Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 12: Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP theo Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 13: Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP theo Tờ trình số 10/2021/TTr-BKS ngày 31/3/2021 của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 14: Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Bảo Long.

Thông qua số lượng bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024 gồm 01 thành viên.

Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024, cụ thể như sau:

1. Ông/bà..... đạt ...../..... (.....%)

Điều 15: Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với bà Nghiêm Quỳnh Chi.

Thông qua số lượng bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024 gồm 01 thành viên.

Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024, cụ thể như sau:

1. Ông/bà..... đạt ...../..... (.....%)

Điều 16: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 22/04/2021.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quan trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã thông qua tại Đại hội trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và lợi ích của các cổ đông, phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/04/2021 của Công ty thông qua toàn văn tại cuộc họp với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là .....% ./

Nơi nhận:
- Các TV HĐQT, Ban TGĐ, Ban KS (để t/h);
- Các Ban chức năng của CTy (để t/h);
- Ban TCHC (để công bố t/t);
- Website Vinaconex P&C (thay cho thông báo);
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Vũ Ngọc Tú